BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 57 /2026/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định:

a) Về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, bao gồm: mục tiêu, nguyên tắc, nội dung bảo đảm chất lượng giáo dục; tiêu chuẩn, tiêu chí, tiêu chí bắt buộc, mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục; hoạt động tự đánh giá, cải tiến chất lượng; sử dụng kết quả tự đánh giá và dữ liệu phục vụ theo dõi và cải tiến chất lượng;

b) Về yêu cầu, căn cứ, thẩm quyền, hoạt động thẩm định, công nhận, nâng mức độ, theo dõi việc duy trì và thu hồi công nhận đạt chuẩn quốc gia.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm cơ sở giáo dục công lập và tư thục; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Công nhận đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư này áp dụng đối với trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ (sau đây gọi chung là trường mầm non); trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường

phổ thông có nhiều cấp học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm trường công lập và trường tư thục (sau đây gọi chung là trường phổ thông).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất lượng giáo dục* là mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục của cơ sở giáo dục thông qua các điều kiện bảo đảm chất lượng, quá trình tổ chức hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục của người học.

2. *Bảo đảm chất lượng giáo dục* là quá trình nội bộ được cơ sở giáo dục thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua hoạt động quản trị, tổ chức hoạt động giáo dục và cải tiến chất lượng nhằm bảo đảm đạt mục tiêu giáo dục.

3. *Công nhận đạt chuẩn quốc gia là* việc cơ quan có thẩm quyền xác nhận trường mầm non hoặc trường phổ thông đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục và đạt mức chuẩn quốc gia theo quy định.

4. *Tự đánh giá* là quá trình cơ sở giáo dục tự xem xét, phân tích và đánh giá việc thực hiện các yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn, tiêu chí quy định tại Thông tư này; xác định điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng.

5. *Tiêu chuẩn đánh giá* là tập hợp các yêu cầu đối với cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục; mỗi tiêu chuẩn gắn với một lĩnh vực và gồm các tiêu chí đánh giá.

6. *Tiêu chí đánh giá* là nội dung cụ thể đối với cơ sở giáo dục trong từng tiêu chuẩn đánh giá.

7. *Tiêu chí bắt buộc* là tiêu chí mà cơ sở giáo dục phải đạt theo mức quy định tại Thông tư này; trường hợp không đạt tiêu chí bắt buộc thì không được xác định đạt mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục hoặc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia tương ứng.

8. *Minh chứng* trong bảo đảm chất lượng giáo dục là tài liệu, hồ sơ, văn bản, sản phẩm hoặc kết quả hoạt động được thu thập, lưu trữ và sử dụng để chứng minh việc thực hiện các yêu cầu của tiêu chuẩn, tiêu chí; phục vụ đánh giá, giải trình và cải tiến chất lượng giáo dục.

9. *Người học* là cá nhân đang tham gia học tập, rèn luyện trong cơ sở giáo dục, bao gồm trẻ em, học sinh, học viên theo quy định của pháp luật về giáo dục.

10. *Văn hóa chất lượng* là nhận thức, trách nhiệm và cách thức phối hợp của các thành viên trong cơ sở giáo dục trong việc thực hiện, theo dõi và cải tiến chất lượng giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và sự tiến bộ của người học.

Điều 3. Mục tiêu của bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

1. Bảo đảm chất lượng giáo dục nhằm giúp cơ sở giáo dục duy trì và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục thông qua hoạt động tự đánh giá, thực hiện kế

hoạch cải tiến chất lượng và sử dụng kết quả đánh giá trong quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục.

2. Công nhận trường đạt chuẩn quốc gia nhằm ghi nhận mức độ đáp ứng yêu cầu về chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm chất lượng của trường mầm non và trường phổ thông theo quy định; tạo động lực nâng cao chất lượng giáo dục, tăng cường trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong hoạt động giáo dục.

3. Kết quả bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục, hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và triển khai các chính sách phát triển giáo dục phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

4. Khuyến khích cơ sở giáo dục sau khi đạt chuẩn quốc gia tiếp tục cải tiến, đối sánh và phát triển chất lượng theo các chuẩn, mô hình hoặc thông lệ tiên tiến trong nước, khu vực và quốc tế phù hợp với điều kiện và mục tiêu phát triển của cơ sở giáo dục.

5. Việc tổ chức thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục và xác định mức độ đáp ứng tiêu chí được thực hiện trên cơ sở hồ sơ quản lý, dữ liệu phục vụ theo dõi và cải tiến chất lượng, thông tin minh chứng và kết quả thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

1. Thực hiện theo chu trình cải tiến liên tục, bao gồm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá và cải tiến chất lượng; bảo đảm tính thường xuyên trong hoạt động quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Bảo đảm trung thực, công khai, phản ánh đúng thực trạng chất lượng của cơ sở giáo dục.

3. Hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia được thực hiện trên cơ sở kết quả tự đánh giá, hoạt động đánh giá, kiểm tra và dữ liệu, minh chứng liên quan.

4. Bảo đảm sự tham gia của các bên liên quan; phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm vùng miền, loại hình cơ sở giáo dục và quy định pháp luật.

5. Ưu tiên sử dụng dữ liệu, hồ sơ điện tử, thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành và hệ thống quản lý của cơ sở giáo dục trong hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục; không yêu cầu cung cấp lại hồ sơ, minh chứng đã có trong cơ sở dữ liệu ngành hoặc hệ thống quản lý của cơ sở giáo dục, trừ trường hợp cần cập nhật, bổ sung hoặc xác minh; từng bước xây dựng, cập nhật và khai thác dữ liệu phục vụ theo dõi, cải tiến chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Điều 5. Cấu trúc bộ tiêu chuẩn và mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục

1. Cấu trúc bộ tiêu chuẩn

a) Bộ tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng giáo dục gồm 04 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí, trong đó có các tiêu chí bắt buộc là các tiêu chí cơ sở giáo dục phải đáp ứng khi xác định mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và khi xem xét công nhận đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư này, gồm: Tiêu chí 1.3, Tiêu chí 1.4 thuộc Tiêu chuẩn 1; Tiêu chí 2.1, Tiêu chí 2.2 thuộc Tiêu chuẩn 2; Tiêu chí 3.1, Tiêu chí 3.2 thuộc Tiêu chuẩn 3; Tiêu chí 4.1, Tiêu chí 4.2 thuộc Tiêu chuẩn 4;

b) Nội dung, yêu cầu của các tiêu chuẩn, tiêu chí đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên được quy định tại các Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cách xác định mức của tiêu chí

a) Tiêu chí được đánh giá theo 02 mức: Mức 1 và Mức 2. Mức 1 phản ánh việc cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục; Mức 2 phản ánh việc cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục và có minh chứng về kết quả cải tiến chất lượng;

b) Mức của tiêu chí được xác định theo yêu cầu cụ thể tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này trên cơ sở thông tin, dữ liệu, minh chứng cụ thể, xác thực, có thể kiểm chứng và kết quả thực hiện trong thực tiễn.

3. Xác định mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục:

a) Mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục được xác định trên cơ sở kết quả đánh giá các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này;

b) Cơ sở giáo dục không đạt Mức 1 khi không đáp ứng quy định tại điểm c khoản này;

c) Cơ sở giáo dục được xác định đạt Mức 1 khi tất cả các tiêu chí bắt buộc đạt Mức 1 và có ít nhất 05 trong số 07 tiêu chí còn lại đạt Mức 1 trở lên;

d) Cơ sở giáo dục được xác định đạt Mức 2 khi tất cả các tiêu chí bắt buộc đạt Mức 2 và có ít nhất 05 trong số 07 tiêu chí còn lại đạt Mức 2; các tiêu chí còn lại đạt tối thiểu Mức 1;

đ) Mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục là một trong các căn cứ để xem xét công nhận đạt chuẩn quốc gia; việc công nhận đạt chuẩn quốc gia được thực hiện trên cơ sở mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và các điều kiện khác theo quy định tại Thông tư này;

e) Việc xác định mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục không nhằm mục đích chấm điểm, xếp hạng hoặc tạo áp lực thành tích đối với cơ

sở giáo dục.

4. Dữ liệu phục vụ theo dõi và cải tiến chất lượng

a) Dữ liệu phục vụ theo dõi và cải tiến chất lượng được sử dụng để theo dõi, phân tích, cảnh báo và hỗ trợ cải tiến chất lượng giáo dục; đồng thời hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý, giám sát và hoạch định chính sách giáo dục;

b) Việc sử dụng dữ liệu phục vụ theo dõi và cải tiến chất lượng được thực hiện theo các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Sử dụng kết quả tự đánh giá và dữ liệu phục vụ theo dõi, cải tiến chất lượng

1. Đối với cơ sở giáo dục

a) Sử dụng bộ tiêu chuẩn, tiêu chí, thông tin minh chứng và dữ liệu phục vụ theo dõi, cải tiến chất lượng để tự đánh giá, phân tích thực trạng, xác định điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân; trên cơ sở đó xây dựng, tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo mục tiêu phát triển của cơ sở giáo dục;

b) Sử dụng kết quả tự đánh giá làm căn cứ để quyết định hoặc đề xuất theo thẩm quyền việc điều chỉnh tổ chức và hoạt động giáo dục, phát triển đội ngũ, đầu tư và sử dụng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục;

c) Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục theo quy định; cung cấp thông tin và giải trình với người học, cha mẹ người học, cộng đồng và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đối với việc thực hiện mục tiêu và yêu cầu chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục.

2. Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục

a) Ủy ban nhân dân các cấp theo phân cấp quản lý căn cứ kết quả tự đánh giá, thông tin minh chứng và dữ liệu phục vụ theo dõi, cải tiến chất lượng của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý để xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục; bố trí, huy động nguồn lực và bảo đảm các điều kiện thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

b) Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ kết quả tự đánh giá, thông tin minh chứng và dữ liệu phục vụ theo dõi, cải tiến chất lượng của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý để tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực và thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục;

c) Sở Giáo dục và Đào tạo sử dụng kết quả tự đánh giá, thông tin minh chứng, dữ liệu phục vụ theo dõi, cải tiến chất lượng và kết quả kiểm tra, giám sát để xem xét, thẩm định việc đáp ứng yêu cầu công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học theo quy định tại Thông tư này.

Chương II
HOẠT ĐỘNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 7. Nội dung bảo đảm chất lượng giáo dục

Cơ sở giáo dục thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục theo các lĩnh vực chủ yếu của hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục sau đây:

1. Quản trị cơ sở giáo dục và tổ chức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục.

2. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên và nhân sự hỗ trợ.

3. Thực hiện chương trình giáo dục, đổi mới phương pháp giáo dục, hỗ trợ người học và nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Bảo đảm các điều kiện giáo dục, môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh và tăng cường sự phối hợp với gia đình, cộng đồng và tổ chức liên quan.

Điều 8. Hoạt động tự đánh giá của cơ sở giáo dục

1. Cơ sở giáo dục thực hiện tự đánh giá trên cơ sở bộ tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng giáo dục quy định tại Chương III Thông tư này nhằm rà soát hiện trạng, xác định mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục, theo dõi kết quả cải tiến và xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục. Hoạt động tự đánh giá được thực hiện thường xuyên, gắn với hoạt động quản trị, tổ chức hoạt động giáo dục và cải tiến chất lượng của cơ sở giáo dục.

2. Hoạt động tự đánh giá phải bảo đảm tính trung thực, khách quan, có trách nhiệm giải trình; ưu tiên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, hồ sơ điện tử và minh chứng sẵn có trong cơ sở dữ liệu ngành, hệ thống quản lý của cơ sở giáo dục; hạn chế yêu cầu lập mới hồ sơ, minh chứng trùng lặp.

3. Hoạt động tự đánh giá gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thành lập Hội đồng tự đánh giá;

b) Thu thập, cập nhật, sử dụng và phân tích thông tin, dữ liệu, minh chứng phù hợp;

c) Xác định điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân và mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục;

d) Xây dựng, thực hiện, theo dõi và điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng;

đ) Công khai, giải trình kết quả tự đánh giá theo quy định.

4. Báo cáo tự đánh giá được hội đồng tự đánh giá xem xét, thông qua trước khi người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt; được cập nhật hằng năm trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng, thông tin, dữ liệu và minh chứng của cơ sở giáo dục; được gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và công khai theo quy định (Biểu 1, Phụ lục V).

5. Việc cập nhật báo cáo tự đánh giá hằng năm được thực hiện thông qua việc bổ sung, cập nhật các thay đổi về dữ liệu, kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng và các minh chứng liên quan; không yêu cầu lập lại toàn bộ báo cáo tự đánh giá.

6. Minh chứng phục vụ tự đánh giá được quản lý, lưu trữ chủ yếu trên môi trường điện tử; một minh chứng có thể được sử dụng để đánh giá nhiều tiêu chí nếu phù hợp về nội dung và còn giá trị sử dụng. Cơ sở giáo dục không phải lập lại hồ sơ, minh chứng đã có trong cơ sở dữ liệu ngành hoặc hệ thống quản lý của cơ sở giáo dục, trừ trường hợp cần cập nhật, bổ sung hoặc xác minh thông tin (Phụ lục IV).

7. Người đứng đầu cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, dữ liệu, báo cáo tự đánh giá và minh chứng đã cung cấp.

Điều 9. Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục

1. Người đứng đầu cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá. Hội đồng tự đánh giá có số lượng là số lẻ, từ 05 (năm) thành viên trở lên, phù hợp với loại hình, quy mô và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

2. Hội đồng tự đánh giá gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên là đại diện lãnh đạo cơ sở giáo dục, tổ văn phòng, tổ chuyên môn, giáo viên của cơ sở giáo dục, ưu tiên người đã được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về công tác bảo đảm chất lượng giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc cơ sở giáo dục tổ chức; đại diện cha mẹ người học và đại diện tổ chức, cá nhân khác có liên quan khi cần thiết.

3. Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ:

a) Tổ chức thực hiện hoạt động tự đánh giá theo quy định;

b) Xem xét, thảo luận và đánh giá mức thực hiện của cơ sở giáo dục theo từng tiêu chí;

c) Đề xuất các biện pháp duy trì, cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục;

d) Thông qua báo cáo tự đánh giá để trình người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt trước ngày 15 tháng 6 hằng năm hoặc theo thời điểm kết thúc năm học, khóa học phù hợp với từng cơ sở giáo dục.

4. Hội đồng tự đánh giá có quyền:

a) Yêu cầu các bộ phận cung cấp thông tin, minh chứng phục vụ tự đánh giá;

b) Đề nghị người đứng đầu cơ sở giáo dục bảo đảm các yêu cầu thực hiện tự đánh giá.

5. Thành viên hội đồng tự đánh giá được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 10. Thực hiện cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

1. Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, người đứng đầu cơ sở giáo dục tổ chức xây dựng, phê duyệt và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục hằng năm.

2. Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục phải xác định các vấn đề cần cải tiến, mục tiêu, giải pháp thực hiện, thời gian thực hiện, trách nhiệm của các cá nhân, bộ phận có liên quan và kết quả dự kiến đạt được (Biểu 2, Phụ lục V).

3. Việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng được hội đồng tự đánh giá theo dõi, đánh giá định kỳ và đề xuất điều chỉnh khi cần thiết.

4. Kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng được sử dụng làm căn cứ để cập nhật báo cáo tự đánh giá, rà soát mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng của năm học tiếp theo.

5. Đối với trường phổ thông có nhiều cấp học, việc xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục được thực hiện phù hợp với kết quả đánh giá của từng cấp học.

6. Đối với cơ sở giáo dục không đạt Mức 1 theo quy định tại Thông tư này, cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp rà soát nguyên nhân, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình phát triển giáo dục của địa phương.

7. Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục và kết quả thực hiện được công khai theo quy định nhằm bảo đảm trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

Chương III
TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ VÀ XÁC ĐỊNH MỨC THỰC HIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 11. Tiêu chuẩn 1: Quản trị nhà trường và bảo đảm chất lượng

1. Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn, sứ mạng/mục tiêu và kế hoạch phát triển.

2. Tiêu chí 1.2. Cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và phối hợp nội bộ.

3. Tiêu chí 1.3. Quản lý kế hoạch, nguồn lực, thông tin và dữ liệu.

4. Tiêu chí 1.4. Tự đánh giá, cải tiến chất lượng, công khai và trách nhiệm giải trình.

Điều 12. Tiêu chuẩn 2: Phát triển đội ngũ

1. Tiêu chí 2.1. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

2. Tiêu chí 2.2. Giáo viên.

3. Tiêu chí 2.3. Nhân sự hỗ trợ giáo dục.

Điều 13. Tiêu chuẩn 3: Thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục và phát triển người học

1. Tiêu chí 3.1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục.

2. Tiêu chí 3.2. Đổi mới phương pháp giáo dục/chăm sóc và theo dõi, đánh giá sự phát triển, tiến bộ của người học.

3. Tiêu chí 3.3. Tổ chức hoạt động giáo dục và phát triển toàn diện.

4. Tiêu chí 3.4. Quản lý, theo dõi, hỗ trợ người học và giáo dục hòa nhập.

5. Tiêu chí 3.5. Kết quả học tập, phát triển, rèn luyện và sự tiến bộ của người học.

Điều 14. Tiêu chuẩn 4: Điều kiện giáo dục, môi trường an toàn và phối hợp xã hội

1. Tiêu chí 4.1. Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục.

2. Tiêu chí 4.2. Môi trường giáo dục an toàn, sức khỏe và hạnh phúc.

3. Tiêu chí 4.3. Phối hợp với gia đình, cộng đồng và tổ chức liên quan.

Điều 15. Xác định mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục

1. Nội dung tự đánh giá đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên được quy định tương ứng theo đối tượng tại các phụ lục (Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III) ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục của trường phổ thông có nhiều cấp học được xác định trên cơ sở mức thực hiện của từng cấp học, cụ thể như sau:

a) Không đạt khi có cấp học không đạt Mức 1;

b) Đạt Mức 1 khi tất cả các cấp học đạt Mức 1;

c) Đạt Mức 2 khi tất cả các cấp học đạt Mức 2;

d) Trường hợp các cấp học có mức thực hiện khác nhau thì mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục của trường phổ thông có nhiều cấp học được xác định theo mức thấp nhất của cấp học trong trường.

Chương IV
CÔNG NHẬN TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

Điều 16. Yêu cầu và mức độ công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

1. Trường được xem xét công nhận đạt chuẩn quốc gia khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có ít nhất một khóa trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục ở độ tuổi cao nhất mà trường tổ chức hoặc một khóa học sinh hoàn thành chương trình cấp học tương ứng; đối với trường phổ thông có nhiều cấp học, có ít nhất một khóa học sinh hoàn thành chương trình của cấp học cao nhất;

b) Có dữ liệu tự đánh giá, kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng và dữ liệu phục vụ theo dõi, cải tiến chất lượng của ít nhất 03 năm học liên tiếp trước thời điểm xem xét công nhận; đối với trường được thành lập trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất, chia, tách hoặc thay đổi cấu trúc cấp học, dữ liệu được xác định trên cơ sở dữ liệu của trường sau tổ chức lại và dữ liệu được kế thừa theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Thông tư này;

c) Đạt mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Thông tư này;

d) Đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, an toàn trường học và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật đối với mức độ công nhận tương ứng.

2. Mức độ công nhận trường đạt chuẩn quốc gia được xác định như sau:

a) Mức độ 1: trường đạt Mức 1 về thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Mức độ 2: trường đạt Mức 2 về thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 17. Tổ chức xem xét công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

1. Việc xem xét công nhận trường đạt chuẩn quốc gia được thực hiện trên cơ sở:

a) Kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương, chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia và yêu cầu quản lý nhà nước về giáo dục trong từng giai đoạn;

b) Kết quả tự đánh giá và mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư này;

c) Dữ liệu của ngành giáo dục, dữ liệu quản lý của địa phương, thông tin công khai của cơ sở giáo dục, kết quả kiểm tra, giám sát và các tài liệu, minh chứng bổ sung trong trường hợp cần thiết.

2. Hằng năm, căn cứ kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương, chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia, kết quả theo dõi hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì rà soát, xác định danh sách cơ sở giáo dục được xem xét công nhận trường đạt chuẩn quốc gia; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan trong việc cung cấp thông tin, đánh giá nhu cầu đầu tư và xác định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục khi cần thiết.

3. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm:

a) Thực hiện tự đánh giá, cập nhật thông tin, dữ liệu và kết quả cải tiến chất lượng giáo dục hằng năm theo quy định tại Thông tư này;

b) Xác định mục tiêu phấn đấu đạt chuẩn quốc gia phù hợp với kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục và điều kiện thực tế của địa phương;

c) Cung cấp bổ sung dữ liệu, tài liệu, minh chứng và giải trình thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp dữ liệu chưa đầy đủ hoặc cần xác minh;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, dữ liệu, báo cáo và minh chứng đã cung cấp.

4. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập hội đồng thẩm định để giúp Giám đốc thẩm định việc đáp ứng yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và đề xuất mức độ công nhận tương ứng.

5. Hội đồng thẩm định có số lượng thành viên là số lẻ, từ 07 hoặc 09 người, gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký và các ủy viên là đại diện lãnh đạo, chuyên viên các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo

viên, chuyên gia hoặc người có kinh nghiệm trong quản lý giáo dục, bảo đảm chất lượng giáo dục, công nghệ thông tin hoặc quản trị dữ liệu.

6. Thành viên hội đồng thẩm định:

a) Không công tác tại cơ sở giáo dục được thẩm định trong thời gian 05 năm liền kề trước thời điểm thẩm định;

b) Có kinh nghiệm trong quản lý giáo dục, bảo đảm chất lượng giáo dục hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nội dung thẩm định;

c) Chịu trách nhiệm về ý kiến chuyên môn và kết quả thẩm định theo nhiệm vụ được phân công.

7. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc và phương thức sau:

a) Khai thác, sử dụng dữ liệu của ngành giáo dục, dữ liệu quản lý của địa phương, kết quả tự đánh giá, kết quả cải tiến chất lượng, thông tin công khai và minh chứng của cơ sở giáo dục để thực hiện việc thẩm định;

b) Trường hợp thông tin, dữ liệu chưa đầy đủ hoặc cần đối chiếu, hội đồng thẩm định sử dụng dữ liệu quản lý của ngành giáo dục, dữ liệu của địa phương, thông tin công khai của cơ sở giáo dục và tài liệu đã có trong hồ sơ quản lý để rà soát, làm rõ; chỉ thực hiện xác minh thực tế khi cần thiết phục vụ thẩm định theo quy định của Thông tư này;

c) Làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; cuộc họp hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số thành viên tham dự trực tiếp hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến;

d) Lập biên bản họp Hội đồng thẩm định, trong đó thể hiện kết quả thẩm định và mức độ công nhận được đề xuất để làm căn cứ để Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

8. Thành viên hội đồng thẩm định được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 18. Nội dung và quy trình thẩm định

1. Hội đồng thẩm định nghiên cứu kết quả tự đánh giá, kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng, dữ liệu và thông tin của cơ sở giáo dục trong các năm học trước thời điểm xem xét công nhận; sử dụng dữ liệu của ít nhất 03 năm học liên tiếp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 của Thông tư này; đồng thời khai thác dữ liệu quản lý của ngành giáo dục, dữ liệu của địa phương, thông tin công khai và các tài liệu liên quan để đánh giá mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và việc đáp ứng các yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư này.

2. Trong quá trình thẩm định, trường hợp thông tin, dữ liệu chưa đầy đủ hoặc có nội dung cần đối chiếu, hội đồng thẩm định thực hiện một hoặc các biện pháp sau đây:

a) Khai thác, sử dụng dữ liệu quản lý của ngành giáo dục, dữ liệu của địa phương, thông tin công khai của cơ sở giáo dục và hồ sơ quản lý hiện có;

b) Đề nghị cơ sở giáo dục cung cấp bổ sung dữ liệu, tài liệu, minh chứng và giải trình các nội dung liên quan;

c) Xác minh thực tế tại cơ sở giáo dục khi cần thiết.

3. Thành viên hội đồng nghiên cứu hồ sơ, dữ liệu, thông tin, minh chứng có liên quan và lập phiếu ý kiến theo Biểu 3, Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. Hội đồng tổ chức họp để xem xét, thảo luận và thống nhất kết quả thẩm định trên cơ sở mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục, các yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và ý kiến của các thành viên hội đồng. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch được ủy quyền chủ trì và được tổ chức theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến.

4. Hội đồng thảo luận, thống nhất kết quả thẩm định theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Thư ký Hội đồng hoàn thiện biên bản họp theo Biểu 5, Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó nêu rõ việc đáp ứng yêu cầu công nhận và mức độ công nhận trường đạt chuẩn quốc gia được đề xuất, trình Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

5. Kết quả thẩm định được thông báo đến cơ sở giáo dục và công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo theo Biểu 4, Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 19. Công nhận và cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hội đồng thẩm định thông qua biên bản họp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và cấp Bằng công nhận đối với trường đáp ứng yêu cầu công nhận theo Biểu 6, Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia có giá trị 05 năm kể từ ngày ký quyết định. Kết quả công nhận trường đạt chuẩn quốc gia được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

3. Việc xem xét công nhận lại đối với trường có Bằng công nhận đã hết thời hạn được thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18 và khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Đối với trường đã đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1, sau ít nhất 02 năm kể từ ngày được công nhận, Sở Giáo dục và Đào tạo có thể tổ chức xem xét công nhận ở Mức độ 2 trên cơ sở kết quả tự đánh giá, kết quả cải tiến chất lượng, dữ liệu theo dõi hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và kết quả thẩm định theo quy định tại Thông tư này.

Điều 20. Thu hồi quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

1. Quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Trường vi phạm pháp luật trong tổ chức và hoạt động giáo dục đến mức bị cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đình chỉ hoạt động giáo dục;

b) Trường không còn đáp ứng yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo mức độ đã được công nhận và không khắc phục hoặc khắc phục không đạt yêu cầu trong thời hạn được xác định tại văn bản yêu cầu khắc phục của Sở Giáo dục và Đào tạo;

c) Trường cung cấp thông tin, dữ liệu, báo cáo hoặc minh chứng không trung thực làm sai lệch kết quả thẩm định, công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

2. Việc xác định trường không còn đáp ứng yêu cầu công nhận đạt chuẩn quốc gia được thực hiện trên cơ sở kết quả tự đánh giá hằng năm, dữ liệu theo dõi hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả kiểm tra, giám sát, thanh tra hoặc thẩm định của cơ quan quản lý giáo dục.

3. Trước khi quyết định thu hồi, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản và yêu cầu trường xây dựng, thực hiện kế hoạch khắc phục trong thời hạn phù hợp với nội dung cần khắc phục, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này.

4. Căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát, thẩm định hoặc kết quả thực hiện kế hoạch khắc phục của trường, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định thu hồi Quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Quyết định thu hồi được công bố công khai theo quy định.

Điều 21. Lưu trữ và quản lý dữ liệu bảo đảm chất lượng giáo dục

1. Cơ sở giáo dục quản lý, lưu trữ tài liệu và dữ liệu về hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định của pháp luật về lưu trữ; khuyến khích quản lý, lưu trữ trên môi trường điện tử phù hợp với điều kiện thực tế nhằm phục vụ tự đánh giá, theo dõi, cải tiến chất lượng, giải trình và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

2. Tài liệu và dữ liệu lưu trữ tại cơ sở giáo dục bao gồm:

a) Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá;

b) Báo cáo tự đánh giá hằng năm;

c) Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục và kết quả thực hiện;

d) Thông tin, dữ liệu, minh chứng phục vụ tự đánh giá và theo dõi hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục;

đ) Tài liệu, dữ liệu khác có liên quan theo quy định.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, lưu trữ tài liệu và dữ liệu về thẩm định, công nhận, nâng mức độ, theo dõi việc duy trì và thu hồi công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trên môi trường điện tử nhằm phục vụ quản lý nhà nước về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Thời hạn lưu trữ thực hiện theo các quy định pháp luật về lưu trữ.

4. Tài liệu và dữ liệu lưu trữ tại Sở Giáo dục và Đào tạo bao gồm:

a) Danh sách cơ sở giáo dục được xem xét công nhận trường đạt chuẩn quốc gia hằng năm;

b) Quyết định thành lập hội đồng thẩm định;

c) Biên bản họp Hội đồng thẩm định, phiếu ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định và các tài liệu phục vụ thẩm định;

d) Quyết định công nhận và Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia;

đ) Tài liệu, dữ liệu liên quan đến việc theo dõi duy trì, nâng mức độ hoặc thu hồi công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (nếu có);

e) Dữ liệu phục vụ theo dõi, cải tiến chất lượng và các thông tin khác phục vụ quản lý nhà nước theo quy định.

5. Việc quản lý, lưu trữ, khai thác và sử dụng tài liệu, dữ liệu quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Cục Quản lý chất lượng:

a) Chủ trì tham mưu cho Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện Thông tư này trong phạm vi toàn quốc;

b) Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho đội ngũ cán bộ quản lý, công chức phụ trách công tác bảo đảm chất lượng giáo dục của các Sở Giáo dục và Đào tạo và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán;

c) Kiểm tra, giám sát và tổng hợp, phân tích dữ liệu bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên phạm vi toàn quốc nhằm phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và tham mưu hoạch định chính sách giáo dục quốc gia;

d) Định kỳ hoặc khi cần thiết, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Thông tư này và đề xuất khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục;

đ) Chủ trì xây dựng, quản lý, khai thác và hướng dẫn sử dụng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trên phạm vi toàn quốc.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Cục Quản lý chất lượng trong việc tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Ban hành và chỉ đạo thực hiện kế hoạch về bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan;

b) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan bảo đảm nguồn lực, kinh phí và các điều kiện cần thiết theo quy định của pháp luật để cơ sở giáo dục từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia;

c) Chỉ đạo việc theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc rà soát thực trạng, cung cấp thông tin, xác minh điều kiện thực tế phục vụ công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia;

b) Phối hợp tham mưu cấp có thẩm quyền về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đầu tư cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết phục vụ phát triển giáo dục trên địa bàn;

c) Phối hợp bảo đảm các điều kiện cần thiết để cơ sở giáo dục triển khai hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch về bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn.

2. Chủ trì rà soát thực trạng, xác định danh sách cơ sở giáo dục được xem xét công nhận trường đạt chuẩn quốc gia hằng năm trên cơ sở kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương, chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia, kết quả tự đánh giá, dữ liệu phục vụ theo dõi, cải tiến chất lượng và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

3. Tổ chức thẩm định, công nhận, nâng mức độ, theo dõi việc duy trì và thu hồi công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư này.

4. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho các cơ sở giáo dục và cá nhân có liên quan.

5. Tổ chức quản lý, khai thác và từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu và hạ tầng số phục vụ hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia của địa phương.

6. Xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) theo quy định của pháp luật; đồng thời báo cáo kết quả xử lý về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

8. Hằng năm, tổ chức đánh giá việc thực hiện Thông tư này; đề xuất khen thưởng theo quy định đối với các đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 6 hằng năm (Biểu 7, Phụ lục V).

Điều 25. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Cơ sở giáo dục phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục; xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm chất lượng giáo dục và yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục thuộc phạm vi công nhận đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

2. Hằng năm, tổ chức tự đánh giá theo tiêu chuẩn; xây dựng, thực hiện và theo dõi kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Thực hiện duy trì, cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục; rà soát, cập nhật thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

4. Thực hiện báo cáo kết quả tự đánh giá và cải tiến chất lượng giáo dục; triển khai chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế, quản lý và lưu trữ đầy đủ hồ sơ, dữ liệu, minh chứng bảo đảm tính chính xác, khả năng truy xuất và phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, giám sát.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, dữ liệu, báo cáo và minh chứng đã cung cấp.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 07 năm 2026.

2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT và Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu các cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các trường thuộc đối tượng công nhận đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư này đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo chấp nhận hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài để công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện các bước còn lại của quy trình công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho đến khi hoàn thành quy trình theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT.

2. Bằng công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, trường phổ thông được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục có giá trị đến hết thời hạn ghi trên Bằng công nhận.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện rà soát, cập nhật thông tin, dữ liệu, kết quả tự đánh giá và kết quả cải tiến chất lượng giáo dục của các năm học trước để phục

vụ hoạt động tự đánh giá, theo dõi, thẩm định và xem xét công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

4. Trong thời gian từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2028, dữ liệu định lượng chính quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này được thu thập, rà soát và sử dụng để theo dõi, phân tích, cảnh báo và hỗ trợ cải tiến chất lượng giáo dục. Trong thời gian này, dữ liệu định lượng chính không được sử dụng làm căn cứ duy nhất hoặc ngưỡng loại trừ để kết luận cơ sở giáo dục không đạt mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục hoặc không đạt chuẩn quốc gia; việc đánh giá phải căn cứ vào yêu cầu của tiêu chí, thông tin minh chứng và kết quả thực hiện.

5. Đối với trường mầm non, trường phổ thông được sáp nhập, hợp nhất, chia, tách hoặc tổ chức lại sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc công nhận đạt chuẩn quốc gia được thực hiện đối với cơ sở giáo dục sau tổ chức lại theo quy định sau đây:

a) Trường hợp chỉ thay đổi tên gọi, không làm thay đổi cấp học và các điều kiện chủ yếu bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả công nhận được bảo lưu đến hết thời hạn ghi trên Bằng công nhận;

b) Trường hợp tất cả các cơ sở giáo dục tham gia sáp nhập, hợp nhất đều có Bằng công nhận còn thời hạn, cơ sở giáo dục sau sáp nhập, hợp nhất được bảo lưu kết quả công nhận theo mức thấp nhất, trong thời hạn còn lại dài nhất của các Bằng đã cấp nhưng không quá 24 tháng kể từ ngày quyết định sáp nhập, hợp nhất có hiệu lực hoặc đến khi được công nhận lại, tùy thời điểm nào đến trước;

c) Các trường hợp còn lại, kết quả công nhận, dữ liệu, hồ sơ và minh chứng của cơ sở giáo dục trước khi tổ chức lại được kế thừa để phục vụ tự đánh giá, thẩm định. Việc xem xét công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục sau tổ chức lại được thực hiện sau ít nhất 18 tháng kể từ ngày quyết định tổ chức lại có hiệu lực./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Ủy ban VHXH của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Hội đồng QGGD và PTNNL;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Như Điều 26;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phạm Ngọc Thưởng

Phụ lục I

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG, MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG VÀ THÔNG TIN MINH CHỨNG CÁC TIÊU CHÍ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. BẢNG TỔNG HỢP

STT	Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1. Quản trị nhà trường và bảo đảm chất lượng	4	
2	Tiêu chuẩn 2. Phát triển đội ngũ	3	
3	Tiêu chuẩn 3. Thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục và phát triển người học	5	
4	Tiêu chuẩn 4. Điều kiện giáo dục, môi trường an toàn và phối hợp xã hội	3	
	Tổng số tiêu chí	**15**	

Ghi chú: Trong Phụ lục này, "trẻ" được hiểu là trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non; "hoạt động giáo dục" bao gồm hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; "kết quả phát triển và sự tiến bộ của trẻ" được hiểu là kết quả phát triển của trẻ theo mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non và đặc điểm độ tuổi; "nhân sự hỗ trợ giáo dục" được hiểu là nhân viên hoặc cá nhân được phân công thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các nhiệm vụ hỗ trợ khác theo quy định.

II. NỘI DUNG VÀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA TIÊU CHÍ

1. Tiêu chuẩn 1. Quản trị nhà trường và bảo đảm chất lượng

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn, sứ mạng/mục tiêu và kế hoạch phát triển	Mức 1	Nhà trường xác định mục tiêu, chỉ tiêu và kế hoạch năm học hoặc kế hoạch phát triển phù hợp với nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; quy mô, loại hình, điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương, đặc điểm trẻ và Chương trình giáo dục mầm non.
	Mức 2	Nhà trường rà soát kết quả thực hiện kế hoạch để điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn lực và tổ chức hoạt động trong chu kỳ tiếp theo. Việc điều chỉnh có căn cứ từ kết quả thực hiện, dữ liệu quản lý, phản hồi phù hợp và được công khai theo quy định.
	Mức 1	Nhà trường có cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và bố trí người phụ trách các hoạt động theo quy định, phù hợp với quy mô, loại hình, số nhóm/lớp và điều kiện thực tế. Nhiệm vụ của cán bộ quản

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 1.2. Cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và phối hợp nội bộ		lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên và các bộ phận liên quan được phân công rõ ràng, bảo đảm phối hợp trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và bảo đảm an toàn.
	Mức 2	Nhà trường rà soát hiệu quả cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và phối hợp nội bộ; kịp thời điều chỉnh các nhiệm vụ chồng chéo, bỏ sót hoặc quá tải. Các nhiệm vụ thiết yếu có người phụ trách, có cơ chế phối hợp hoặc thay thế khi có thay đổi nhân sự.
Tiêu chí 1.3. Quản lý kế hoạch, nguồn lực, thông tin và dữ liệu	Mức 1	Nhà trường có hồ sơ, thông tin và dữ liệu thiết yếu về kế hoạch, tài chính, trẻ, đội ngũ, nhóm/lớp, chương trình, cơ sở vật chất, sức khỏe, dinh dưỡng, chuyên cần, an toàn và phát triển của trẻ. Hồ sơ, thông tin và dữ liệu được cập nhật, lưu trữ, quản lý, sử dụng theo quy định, bảo đảm đầy đủ, đúng thời hạn, an toàn và bảo mật thông tin.
	Mức 2	Nhà trường rà soát, đối chiếu, tổng hợp và sử dụng dữ liệu để xác định vấn đề, ưu tiên nguồn lực, điều chỉnh kế hoạch, hỗ trợ trẻ và cải thiện điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các sai lệch dữ liệu ảnh hưởng đến quản lý, theo dõi chất lượng được phát hiện và khắc phục theo thời hạn quy định.
Tiêu chí 1.4. Tự đánh giá, cải tiến, công khai và trách nhiệm giải trình	Mức 1	Nhà trường thực hiện tự kiểm tra hoặc tự đánh giá để xác định điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân và nội dung cần cải tiến. Kết quả tự kiểm tra, tự đánh giá được sử dụng để xây dựng hoặc cập nhật kế hoạch cải tiến chất lượng với nhiệm vụ, người phụ trách, thời hạn thực hiện và kết quả dự kiến.
	Mức 2	Nhà trường triển khai kế hoạch cải tiến dựa trên dữ liệu, phản hồi và kết quả tự đánh giá; kết quả cải tiến được theo dõi, kiểm chứng bằng minh chứng phù hợp. Chu trình tự đánh giá, cải tiến, công khai và giải trình được thực hiện hằng năm; kết quả cải tiến được sử dụng để điều chỉnh hoạt động quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong chu kỳ tiếp theo.

2. Tiêu chuẩn 2. Phát triển đội ngũ

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 2.1. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	Mức 1	Nhà trường có hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định; cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ phù hợp và đáp ứng tiêu chuẩn chức danh. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành đối với kế hoạch giáo dục, đội ngũ, trẻ, tài chính, tài sản, an toàn, hồ sơ, dữ liệu và phối hợp với cha mẹ trẻ.

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
	Mức 2	Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục sử dụng dữ liệu, kết quả tự đánh giá, kiểm tra nội bộ và phản hồi phù hợp để điều chỉnh kế hoạch, phân công nhiệm vụ, phát triển đội ngũ và cải tiến chất lượng. Kết quả điều chỉnh, cải tiến được theo dõi, kiểm chứng và sử dụng trong quản lý nhà trường.
Tiêu chí 2.2. Giáo viên	Mức 1	Nhà trường có đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục mầm non về số lượng, cơ cấu nhóm/lớp, trình độ đào tạo, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp và chuẩn nghề nghiệp hoặc tiêu chuẩn chức danh theo quy định. Giáo viên được phân công phù hợp với chuyên môn, năng lực và điều kiện thực tế; thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; tham gia sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng và theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ.
	Mức 2	Nhà trường theo dõi, rà soát tình hình đội ngũ giáo viên để điều chỉnh phân công, bồi dưỡng và hỗ trợ chuyên môn. Giáo viên sử dụng kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ, sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng và phản hồi phù hợp để điều chỉnh hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và thực hiện biện pháp hỗ trợ trẻ.
Tiêu chí 2.3. Nhân sự hỗ trợ giáo dục	Mức 1	Nhà trường bố trí nhân sự hỗ trợ hoặc có phương án phân công, kiêm nhiệm, hợp đồng, phối hợp để thực hiện các nhiệm vụ thiết yếu về y tế, dinh dưỡng, an toàn, thiết bị, hành chính, tài chính, bảo vệ và hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định và điều kiện thực tế. Nhiệm vụ của từng vị trí hoặc bộ phận hỗ trợ được phân công cụ thể.
	Mức 2	Nhà trường rà soát mức độ đáp ứng của nhân sự hỗ trợ; kịp thời điều chỉnh phân công hoặc đề xuất bổ sung khi cần. Các nhiệm vụ thiết yếu về an toàn, y tế, dinh dưỡng, nuôi dưỡng, bảo vệ và hỗ trợ hoạt động của nhà trường được duy trì ổn định, không bị bỏ trống.

3. Tiêu chuẩn 3. Thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục và phát triển trẻ em

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 3.1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Mức 1	Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với độ tuổi, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ được thực hiện theo kế hoạch, bảo đảm an toàn, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ.
	Mức 2	Nhà trường sử dụng kết quả theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch, chuyên cần, sức khỏe, dinh dưỡng, sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế để rà soát, điều chỉnh kế hoạch giáo dục. Việc thực hiện

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
		chương trình được duy trì ổn định; kế hoạch giáo dục được điều chỉnh, cải tiến phù hợp với nhu cầu của trẻ và điều kiện của nhà trường.
Tiêu chí 3.2. Đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục và theo dõi, đánh giá sự phát triển, tiến bộ của trẻ em	Mức 1	Giáo viên áp dụng phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với độ tuổi, đặc điểm phát triển và nhu cầu của trẻ; thực hiện quan sát, theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ theo quy định hoặc kế hoạch của nhà trường. Kết quả quan sát, theo dõi, đánh giá được sử dụng để điều chỉnh hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.
	Mức 2	Nhà trường tổ chức sinh hoạt chuyên môn để phân tích phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, kết quả theo dõi trẻ và hỗ trợ giáo viên điều chỉnh hoạt động. Phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục được cải tiến; trẻ được tham gia hoạt động tích cực, phù hợp, an toàn và có tiến bộ được ghi nhận.
Tiêu chí 3.3. Tổ chức hoạt động giáo dục và phát triển toàn diện	Mức 1	Nhà trường tổ chức các hoạt động vui chơi, trải nghiệm, vận động, nghệ thuật, ngôn ngữ, khám phá, tự phục vụ và các hoạt động phù hợp khác theo độ tuổi. Trẻ được tham gia các hoạt động phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ theo Chương trình giáo dục mầm non.
	Mức 2	Nhà trường theo dõi sự tham gia, nhu cầu, khả năng và tiến bộ của trẻ để điều chỉnh nội dung, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục. Hoạt động phát triển toàn diện được duy trì, đa dạng, an toàn, phù hợp bối cảnh và hỗ trợ sự tiến bộ của trẻ.
Tiêu chí 3.4. Quản lý, theo dõi, hỗ trợ trẻ em và giáo dục hòa nhập	Mức 1	Nhà trường có hồ sơ quản lý trẻ; theo dõi chuyên cần, sức khỏe, dinh dưỡng, an toàn, sự phát triển và nhu cầu hỗ trợ của trẻ. Trẻ cần hỗ trợ, trẻ có nhu cầu đặc thù hoặc trẻ thuộc diện giáo dục hòa nhập được nhận diện, lập kế hoạch hỗ trợ, phân công người phụ trách và phối hợp với cha mẹ trẻ khi cần.
	Mức 2	Kết quả hỗ trợ trẻ được theo dõi, đánh giá và điều chỉnh khi cần thiết. Nhà trường duy trì việc phát hiện sớm, hỗ trợ trẻ và phối hợp với cha mẹ trẻ, chuyên gia, cơ quan hoặc tổ chức liên quan khi phù hợp; bảo đảm trẻ được tôn trọng, an toàn, hòa nhập và có cơ hội phát triển.
Tiêu chí 3.5. Kết quả phát triển và sự tiến bộ của trẻ	Mức 1	Trẻ được theo dõi sự phát triển theo mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non và đặc điểm độ tuổi. Nhà trường tổng hợp kết quả phát triển, chuyên cần, sức khỏe, dinh dưỡng và sự tiến bộ của trẻ để xác định nhóm trẻ cần hỗ trợ.

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
	Mức 2	Nhà trường phân tích kết quả phát triển và sự tiến bộ của trẻ để điều chỉnh hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và hỗ trợ trẻ. Kết quả theo dõi cho thấy sự tiến bộ của trẻ, đặc biệt đối với trẻ cần hỗ trợ hoặc trẻ 5 tuổi chuẩn bị vào lớp Một; việc xem xét kết quả chú trọng sự tiến bộ của trẻ, không áp dụng máy móc yêu cầu so sánh giữa các cơ sở giáo dục.

4. Tiêu chuẩn 4. Điều kiện giáo dục, môi trường an toàn và phối hợp xã hội

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 4.1. Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	Mức 1	Nhà trường có phòng học, khu chức năng, sân chơi, khu vệ sinh, nước sạch, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, bếp ăn (nếu có) và các điều kiện vật chất cần thiết phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định, phù hợp với quy mô, độ tuổi và điều kiện thực tế. Các điều kiện này được quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo quản và rà soát định kỳ; hạng mục thiếu, xuống cấp hoặc chưa bảo đảm an toàn có phương án khắc phục.
	Mức 2	Nhà trường sử dụng dữ liệu về tình trạng cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu và nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ để lập kế hoạch sửa chữa, bảo trì, bổ sung, sắp xếp hoặc khai thác hiệu quả hơn. Việc cải thiện cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và điều kiện vật chất góp phần tạo môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục an toàn, thân thiện, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ.
Tiêu chí 4.2. Môi trường giáo dục an toàn, sức khỏe và hạnh phúc	Mức 1	Nhà trường có biện pháp bảo đảm an toàn thể chất, sức khỏe, vệ sinh, dinh dưỡng, phòng chống tai nạn, bạo lực, xâm hại và các rủi ro trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường thực hiện quy trình đón, trả trẻ; kiểm soát người ra vào; bảo đảm an toàn bữa ăn, giấc ngủ, hoạt động ngoài trời, đồ chơi, thiết bị và khu vệ sinh; có kênh tiếp nhận phản ánh, quy trình xử lý sự cố, tai nạn, nghi ngờ bạo hành hoặc xâm hại trẻ. Các nguy cơ mất an toàn được phát hiện, ghi nhận, xử lý và theo dõi kết quả khắc phục.
	Mức 2	Nhà trường phân tích dữ liệu sự cố, nguy cơ mất an toàn, phản hồi của cha mẹ trẻ và kết quả kiểm tra để phòng ngừa rủi ro tái diễn, cải thiện môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục an toàn, lành mạnh, tích cực. Trẻ được tôn trọng, bảo vệ, hỗ trợ phù hợp; kết quả kiểm tra và phản hồi được sử dụng để điều chỉnh biện pháp phòng ngừa, xử lý và hỗ trợ trẻ.

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 4.3. Phối hợp với gia đình, cộng đồng và tổ chức liên quan	Mức 1	Nhà trường có kênh phối hợp với cha mẹ trẻ, cộng đồng và tổ chức liên quan trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo đảm an toàn và hỗ trợ trẻ. Hoạt động phối hợp được thực hiện định kỳ hoặc khi cần thiết, có ghi nhận nội dung trao đổi, phản hồi và kết quả xử lý.
	Mức 2	Nhà trường sử dụng phản hồi và kết quả phối hợp để điều chỉnh hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo đảm an toàn và hỗ trợ trẻ. Cơ chế phối hợp hai chiều được duy trì ổn định, minh bạch; nguồn lực huy động hợp pháp và có tác động tích cực đến môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, an toàn hoặc hỗ trợ trẻ.

Ghi chú: Kết quả đánh giá Mức 1 phản ánh các yêu cầu cơ bản để cơ sở giáo dục tổ chức hoạt động ổn định theo quy định; cơ sở giáo dục có hoạt động, hồ sơ, dữ liệu và phân công thực hiện phù hợp, không có rủi ro nghiêm trọng chưa được xử lý. Kết quả đánh giá Mức 2 phản ánh việc cơ sở giáo dục đã đạt Mức 1, đồng thời sử dụng dữ liệu, phản hồi và kết quả tự đánh giá để cải tiến hoạt động; có minh chứng về kết quả cải tiến chất lượng hoặc tác động thực chất của hoạt động cải tiến.

III. THÔNG TIN MINH CHỨNG

Nhóm nội dung	Thông tin minh chứng	
	Minh chứng gợi ý	Dữ liệu định lượng chính
Tầm nhìn, sứ mạng/mục tiêu và kế hoạch phát triển	Kế hoạch năm học; kế hoạch giáo dục nhà trường; mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch phát triển của nhà trường; báo cáo thực hiện kế hoạch; minh chứng rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ hoặc kế hoạch phát triển; minh chứng công khai kế hoạch và kết quả thực hiện theo quy định.	Không yêu cầu dữ liệu định lượng riêng.
Cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và phối hợp nội bộ	Sơ đồ tổ chức; quyết định thành lập hoặc kiện toàn hội đồng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoặc bộ phận liên quan; quy chế làm việc; bảng phân công nhiệm vụ; biên bản họp; hồ sơ điều chỉnh phân công khi có thay đổi.	Không yêu cầu dữ liệu định lượng riêng.
Quản lý kế hoạch, nguồn lực, thông tin và dữ liệu	Hồ sơ quản lý kế hoạch, tài chính, nhân lực; sổ theo dõi trẻ; hồ sơ nhóm/lớp; hồ sơ sức khỏe, dinh dưỡng, chuyên cần và an toàn của trẻ; hồ sơ cơ sở vật chất; báo cáo tổng hợp hoặc rà soát dữ liệu phục vụ quản lý.	Tỷ lệ dữ liệu được cập nhật đầy đủ, đúng thời hạn; số sai lệch dữ liệu được phát hiện và xử lý.

Nhóm nội dung	Thông tin minh chứng	
	Minh chứng gợi ý	**Dữ liệu định lượng chính**
Tự đánh giá, cải tiến, công khai và trách nhiệm giải trình	Báo cáo tự đánh giá hoặc tự kiểm tra; kế hoạch cải tiến chất lượng; phân công thực hiện cải tiến; hồ sơ theo dõi thực hiện cải tiến; hồ sơ công khai, giải trình, tiếp nhận và xử lý phản hồi; minh chứng kết quả cải tiến.	Tỷ lệ nhiệm vụ cải tiến hoàn thành theo kế hoạch; số phản hồi được tiếp nhận, xử lý.
Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	Quyết định bổ nhiệm; hồ sơ phân công nhiệm vụ; hồ sơ đánh giá, bồi dưỡng; kế hoạch chỉ đạo, điều hành; hồ sơ kiểm tra nội bộ, tự đánh giá và cải tiến hoạt động quản lý.	Số cán bộ quản lý cơ sở giáo dục hiện có so với số lượng theo quy định; tỷ lệ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng tiêu chuẩn chức danh.
Giáo viên	Hồ sơ giáo viên; phân công nhóm/lớp; kế hoạch giáo dục; hồ sơ bồi dưỡng; biên bản sinh hoạt chuyên môn; hồ sơ theo dõi sự phát triển của trẻ; minh chứng điều chỉnh hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	Số lượng giáo viên hiện có so với định mức; số giáo viên thiếu hoặc thừa theo nhóm/lớp; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo; tỷ lệ giáo viên được phân công phù hợp nhóm/lớp
Nhân viên (thuộc nhóm nhân sự hỗ trợ hoạt động giáo dục)	Danh sách nhân sự hỗ trợ; phân công nhiệm vụ; hồ sơ thực hiện nhiệm vụ về y tế, dinh dưỡng, thiết bị, hành chính, tài chính, bảo vệ và các nhiệm vụ hỗ trợ khác; hồ sơ rà soát, điều chỉnh khi có thay đổi.	Số vị trí nhân sự hỗ trợ hiện có so với số vị trí theo yêu cầu; tỷ lệ vị trí hỗ trợ được bố trí đáp ứng yêu cầu.
Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Kế hoạch giáo dục; lịch hoạt động; hồ sơ nhóm/lớp; báo cáo thực hiện chương trình; biên bản sinh hoạt chuyên môn; minh chứng theo dõi, điều chỉnh kế hoạch giáo dục.	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giáo dục; tỷ lệ chuyên cần của trẻ.
Đổi mới phương pháp giáo dục/chăm sóc và theo dõi, đánh giá sự phát triển, tiến bộ của trẻ em	Kế hoạch hoạt động; hồ sơ quan sát, theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ; hình ảnh, sản phẩm hoạt động của trẻ; biên bản sinh hoạt chuyên môn; minh chứng dự giờ, góp ý chuyên môn; minh chứng điều chỉnh hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	Số trẻ được quan sát, theo dõi theo kế hoạch; số trẻ cần hỗ trợ được phát hiện qua quan sát, theo dõi.
Tổ chức hoạt động giáo dục và phát triển toàn diện	Kế hoạch hoạt động; hồ sơ nhóm/lớp; hồ sơ hoặc tổng hợp hoạt động vui chơi, trải nghiệm, vận động, nghệ thuật, ngôn ngữ, khám phá và	Số hoạt động giáo dục được tổ chức trong năm; tỷ lệ trẻ tham gia hoạt động giáo dục theo kế hoạch.

Nhóm nội dung	Thông tin minh chứng	
	Minh chứng gợi ý	**Dữ liệu định lượng chính**
	tự phục vụ; hình ảnh, sản phẩm hoạt động của trẻ; minh chứng điều chỉnh, cải tiến hoạt động.	
Quản lý, theo dõi, hỗ trợ trẻ và giáo dục hòa nhập	Hồ sơ trẻ; dữ liệu chuyên cần, sức khỏe, dinh dưỡng; danh sách trẻ cần hỗ trợ; kế hoạch và hồ sơ hỗ trợ cá nhân hoặc nhóm; minh chứng trao đổi với cha mẹ trẻ; biên bản phối hợp; hồ sơ tư vấn, y tế nếu có; báo cáo rà soát định kỳ.	Số trẻ cần hỗ trợ được lập kế hoạch hỗ trợ; số trẻ được theo dõi, hỗ trợ theo kế hoạch.
Kết quả phát triển và sự tiến bộ của trẻ	Hồ sơ theo dõi trẻ; kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ theo độ tuổi/giai đoạn; sản phẩm hoạt động của trẻ; báo cáo tổng hợp kết quả phát triển, chuyên cần, sức khỏe, dinh dưỡng và sự tiến bộ của trẻ; danh sách trẻ cần hỗ trợ; thông tin, minh chứng về chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp Một; phản hồi của cha mẹ trẻ khi có.	Số trẻ được theo dõi sự phát triển theo quy định; số trẻ có nội dung phát triển cần được theo dõi, hỗ trợ; số trẻ 5 tuổi được theo dõi, hỗ trợ chuẩn bị vào lớp Một.
Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ	Hồ sơ tài sản; hồ sơ kiểm kê thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu; bảng kiểm phòng học, khu vệ sinh, sân chơi, bếp ăn nếu có; kế hoạch bảo trì, sửa chữa, bổ sung; biên bản kiểm tra; minh chứng khắc phục hạng mục thiếu, xuống cấp hoặc chưa bảo đảm an toàn; minh chứng sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	Số phòng học đạt yêu cầu so với tổng số phòng học; số khu vệ sinh đạt yêu cầu; số bếp ăn đạt yêu cầu khi áp dụng; tỷ lệ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu sử dụng được.
Môi trường giáo dục an toàn, sức khỏe và hạnh phúc	Bảng kiểm an toàn; hồ sơ sức khỏe; hồ sơ dinh dưỡng; biên bản kiểm tra; hồ sơ xử lý sự cố nếu có; danh sách nguy cơ mất an toàn; biên bản xử lý, minh chứng khắc phục; hồ sơ thông tin, trao đổi với cha mẹ trẻ khi cần; kế hoạch phòng ngừa; báo cáo hoặc minh chứng cải thiện môi trường giáo dục.	Số sự cố an toàn trong năm; số sự cố đã xử lý; số nguy cơ mất an toàn được phát hiện và khắc phục; tỷ lệ trẻ được theo dõi sức khỏe định kỳ.
Phối hợp với gia đình, cộng đồng và tổ chức liên quan	Kế hoạch phối hợp; sổ liên lạc hoặc kênh thông tin; biên bản họp cha mẹ trẻ; hồ sơ phối hợp với y tế, chính quyền, tổ chức liên quan; hồ sơ phản hồi; minh chứng xử lý kiến nghị hoặc phối hợp hỗ trợ trẻ; hồ sơ huy động, tiếp nhận, sử dụng nguồn lực theo quy định	Không yêu cầu dữ liệu định lượng riêng.

Lưu ý: Thông tin minh chứng sử dụng trong đánh giá phải có nguồn gốc rõ ràng, phản ánh đúng thực trạng hoạt động của cơ sở giáo dục và được thu thập, lưu trữ theo quy định. Một minh chứng có thể được sử dụng cho nhiều tiêu chí nếu phù hợp về nội dung. Việc xác định mức độ đáp ứng tiêu chí được thực hiện trên cơ sở xem xét tổng hợp thông tin minh chứng, dữ liệu định lượng chính, mức độ triển khai và hiệu quả thực hiện trong thực tế; không chỉ dựa trên sự tồn tại của văn bản hoặc hồ sơ. Dữ liệu định lượng chính là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí, được lựa chọn đối với những nội dung có thể đo lường, thống kê hoặc khai thác từ hệ thống quản lý, cơ sở dữ liệu ngành và hồ sơ quản lý sẵn có của cơ sở giáo dục. Việc sử dụng dữ liệu định lượng chính phải kết hợp với thông tin minh chứng và kết quả triển khai thực tế; phù hợp với loại hình, quy mô, độ tuổi, nhóm lớp và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục. Đối với nội dung không áp dụng hoặc chưa phát sinh thì xem xét trên cơ sở thông tin minh chứng và kết quả triển khai thực tế./.

Phụ lục II

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG, MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG VÀ THÔNG TIN MINH CHỨNG CÁC TIÊU CHÍ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. BẢNG TỔNG HỢP

STT	Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1. Quản trị nhà trường và bảo đảm chất lượng	4	
2	Tiêu chuẩn 2. Phát triển đội ngũ	3	
3	Tiêu chuẩn 3. Thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục và phát triển người học	5	
4	Tiêu chuẩn 4. Điều kiện giáo dục, môi trường an toàn và phối hợp xã hội	3	
	Tổng số tiêu chí	**15**	

II. NỘI DUNG VÀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA TIÊU CHÍ

1. Tiêu chuẩn 1. Quản trị nhà trường và bảo đảm chất lượng

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn, sứ mạng/mục tiêu và kế hoạch phát triển	Mức 1	Nhà trường xác định mục tiêu, định hướng phát triển và xây dựng kế hoạch năm học/kế hoạch phát triển phù hợp với cấp học, Chương trình giáo dục phổ thông, quy mô học sinh, điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Kế hoạch xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, chỉ tiêu chủ yếu, thời hạn thực hiện, phân công trách nhiệm và nguồn lực cần thiết.
	Mức 2	Nhà trường rà soát, điều chỉnh kế hoạch trên cơ sở kết quả thực hiện, dữ liệu về học sinh, đội ngũ, điều kiện bảo đảm, an toàn trường học và kết quả giáo dục. Việc điều chỉnh có tham khảo ý kiến phù hợp của đội ngũ, học sinh, cha mẹ học sinh và các bên liên quan; có minh chứng về chuyển biến trong thực hiện nhiệm vụ trọng tâm hoặc cải thiện điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.
Tiêu chí 1.2. Cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và phối hợp nội bộ	Mức 1	Nhà trường có cơ cấu tổ chức, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng/bộ phận hỗ trợ và các hội đồng theo quy định, phù hợp với cấp học, quy mô và điều kiện thực tế. Nhiệm vụ của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, giáo viên chủ nhiệm, nhân viên và các bộ phận liên quan được phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm và có cơ chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
	Mức 2	Nhà trường định kỳ rà soát cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và hiệu quả phối hợp nội bộ; kịp thời điều chỉnh những nội dung chồng chéo, bỏ sót hoặc chưa phù hợp. Việc điều chỉnh góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, thực hiện chương trình giáo dục, hỗ trợ học sinh và bảo đảm an toàn trường học.
Tiêu chí 1.3. Quản lý kế hoạch, nguồn lực, thông tin và dữ liệu	Mức 1	Nhà trường có hồ sơ, thông tin và dữ liệu thiết yếu phục vụ quản lý hoạt động giáo dục, bao gồm dữ liệu về học sinh, đội ngũ, lớp học, khối lớp, chương trình giáo dục, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài chính, chuyên cần, an toàn và kết quả giáo dục. Hồ sơ, thông tin và dữ liệu được cập nhật, lưu trữ, quản lý, đối chiếu và sử dụng theo quy định, bảo đảm đầy đủ, đúng thời hạn, an toàn, bảo mật và phục vụ công tác điều hành của nhà trường.
	Mức 2	Nhà trường rà soát, đối chiếu, tổng hợp và phân tích dữ liệu để đánh giá thực trạng, dự báo nhu cầu, điều chỉnh kế hoạch, phân bổ nguồn lực, tổ chức lớp học, bồi dưỡng đội ngũ, hỗ trợ học sinh và cải thiện điều kiện giáo dục. Dữ liệu được theo dõi, so sánh theo chu kỳ phù hợp; được sử dụng làm căn cứ cho các quyết định quản lý, tự đánh giá, cải tiến chất lượng và công khai theo quy định.
Tiêu chí 1.4. Tự đánh giá, cải tiến, công khai và trách nhiệm giải trình	Mức 1	Nhà trường thực hiện tự kiểm tra, tự đánh giá theo quy định hoặc theo kế hoạch của nhà trường để xác định điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân và nội dung cần cải tiến. Kết quả tự kiểm tra, tự đánh giá được sử dụng để xây dựng hoặc cập nhật kế hoạch cải tiến; thực hiện công khai thông tin và tiếp nhận, xử lý phản hồi theo quy định.
	Mức 2	Nhà trường triển khai kế hoạch cải tiến với nhiệm vụ, người phụ trách, thời hạn, nguồn lực và sản phẩm cụ thể; ưu tiên các nội dung cần khắc phục về chương trình giáo dục, đội ngũ, an toàn, hỗ trợ học sinh, dữ liệu và điều kiện bảo đảm chất lượng. Kết quả cải tiến được theo dõi, kiểm chứng bằng minh chứng hoặc dữ liệu phù hợp; được sử dụng để điều chỉnh hoạt động quản lý, dạy học, giáo dục, hỗ trợ học sinh và điều kiện bảo đảm chất lượng trong chu kỳ tiếp theo.

2. Tiêu chuẩn 2. Phát triển đội ngũ

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 2.1. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	Mức 1	Nhà trường có cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo quy định; cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ phù hợp với vị trí việc làm và đáp ứng tiêu chuẩn chức danh. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành đối với chương trình giáo dục, đội ngũ, học sinh, tài chính, tài sản, an toàn trường học, quản lý hồ sơ, dữ liệu và bảo đảm chất lượng giáo dục.
	Mức 2	Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục sử dụng dữ liệu, kết quả tự đánh giá, kiểm tra nội bộ và phản hồi phù hợp của đội ngũ, học sinh, cha mẹ học sinh để điều chỉnh kế hoạch, phân công nhiệm vụ và cải tiến hoạt động của nhà trường. Công tác quản trị, chỉ đạo, điều hành có chuyển biến tích cực; các hạn chế, tồn tại được phát hiện và có biện pháp khắc phục, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục, phát triển đội ngũ, hỗ trợ học sinh và bảo đảm an toàn trường học.
Tiêu chí 2.2. Giáo viên	Mức 1	Nhà trường có đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông về số lượng, cơ cấu môn học và hoạt động giáo dục, trình độ đào tạo, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp và chuẩn nghề nghiệp hoặc tiêu chuẩn chức danh theo quy định. Giáo viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn, năng lực và điều kiện thực tế; thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy, đánh giá học sinh, sinh hoạt chuyên môn và bồi dưỡng theo quy định hoặc kế hoạch của nhà trường.
	Mức 2	Nhà trường theo dõi, rà soát tình hình đội ngũ giáo viên để điều chỉnh phân công, bồi dưỡng, hỗ trợ chuyên môn; duy trì hoặc nâng cao mức độ đáp ứng về số lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp của giáo viên. Giáo viên vận dụng kết quả bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, kết quả đánh giá học sinh, sản phẩm học tập và phản hồi phù hợp để điều chỉnh phương pháp dạy học, giáo dục, hỗ trợ học sinh và nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.
Tiêu chí 2.3. Nhân sự hỗ trợ giáo dục	Mức 1	Nhà trường bố trí nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định hoặc có phương án phân công, kiêm nhiệm, hợp đồng, phối hợp để thực hiện các nhiệm vụ thiết yếu về y tế, thư viện, thiết bị, công nghệ thông tin, hành chính, tài chính, bảo vệ, tư vấn và hỗ trợ học sinh. Việc bố trí nhân sự hỗ trợ phù hợp với cấp học, quy mô, điều kiện thực tế của nhà trường; nhiệm vụ của từng vị trí hoặc bộ phận hỗ trợ được phân công cụ thể.
	Mức 2	Nhà trường theo dõi, rà soát chất lượng hoạt động hỗ trợ giáo dục; kịp thời phát hiện khó khăn, hạn chế hoặc rủi ro về sức khỏe, an toàn, thiết bị, học liệu, công nghệ thông tin, hành chính, tài

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
		chính, tư vấn và hỗ trợ học sinh để có biện pháp điều chỉnh. Hoạt động hỗ trợ giáo dục được cải thiện, góp phần phục vụ tốt hơn hoạt động dạy học, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an toàn và hỗ trợ học sinh.

3. Tiêu chuẩn 3. Thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục và phát triển học sinh

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 3.1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục	Mức 1	Nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông theo năm học, học kỳ, tháng/tuần; phù hợp với cấp học, đối tượng học sinh, điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Việc tổ chức dạy học, giáo dục, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nếu có, kiểm tra và đánh giá học sinh được thực hiện đầy đủ, đúng quy định; có theo dõi tiến độ thực hiện chương trình, bảo đảm nội dung, thời lượng, môn học và hoạt động giáo dục theo kế hoạch.
	Mức 2	Nhà trường sử dụng kết quả theo dõi tiến độ chương trình, dữ liệu chuyên cần, kết quả đánh giá học sinh, sinh hoạt chuyên môn và phản hồi phù hợp của học sinh, cha mẹ học sinh để rà soát, điều chỉnh kế hoạch giáo dục, tổ chức dạy học, giáo dục và hỗ trợ học sinh. Việc thực hiện chương trình giáo dục được điều chỉnh kịp thời, linh hoạt, phù hợp hơn với bối cảnh địa phương, điều kiện nhà trường và nhu cầu học sinh; có minh chứng về kết quả cải tiến trong tổ chức thực hiện chương trình, học tập, rèn luyện hoặc phát triển của học sinh.
Tiêu chí 3.2. Đổi mới phương pháp giáo dục và theo dõi, đánh giá sự phát triển, tiến bộ của học sinh	Mức 1	Nhà trường tổ chức dạy học, giáo dục và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông, cấp học, đối tượng học sinh và điều kiện thực tế. Giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy; lựa chọn phương pháp dạy học, giáo dục và hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp; theo dõi sự phát triển, tiến bộ của học sinh; tham gia sinh hoạt chuyên môn, dự giờ và bồi dưỡng chuyên môn theo quy định hoặc kế hoạch của nhà trường.
	Mức 2	Nhà trường sử dụng kết quả đánh giá học sinh, sản phẩm học tập, kết quả sinh hoạt chuyên môn, phản hồi phù hợp của học sinh, cha mẹ học sinh và sự tiến bộ của học sinh để điều chỉnh phương pháp dạy học, giáo dục và biện pháp hỗ trợ học sinh. Giáo viên thực hiện các phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực; hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của học sinh, tôn trọng sự khác biệt và bảo đảm môi trường học tập an toàn, tích cực. Các giải pháp đổi mới được theo dõi, đánh giá, rút kinh nghiệm, duy trì hoặc chia sẻ phù hợp; có minh chứng về kết quả hoặc tác động tích cực đối với sự phát triển và tiến bộ của học sinh.

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 3.3. Tổ chức hoạt động giáo dục và phát triển toàn diện	Mức 1	Nhà trường xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện học sinh phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông, cấp học, điều kiện thực tế và nhu cầu của học sinh. Các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch, gắn với mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nếu có, giáo dục văn hóa, thể chất, thẩm mỹ và các nội dung giáo dục phù hợp khác.
	Mức 2	Nhà trường theo dõi mức độ tham gia, kết quả, sản phẩm và phản hồi để điều chỉnh nội dung, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục. Các hoạt động giáo dục được cải thiện theo hướng tăng tính trải nghiệm, sáng tạo, tích hợp, gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và thực tiễn; tăng cường kết nối học tập với gia đình, cộng đồng hoặc các tổ chức liên quan khi phù hợp; có minh chứng về kết quả hoặc tác động tích cực đối với sự phát triển toàn diện của học sinh. Số lượng, tần suất hoặc tỷ lệ tham gia hoạt động được xác định theo kế hoạch giáo dục của nhà trường hoặc hướng dẫn của cơ quan quản lý, phù hợp với loại hình, quy mô và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.
Tiêu chí 3.4. Quản lý, theo dõi, hỗ trợ học sinh và giáo dục hòa nhập	Mức 1	Nhà trường thực hiện tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý hồ sơ học sinh và cập nhật thông tin về chuyên cần, học tập, rèn luyện, sức khỏe, an toàn, chuyển trường, nghỉ học kéo dài và nhu cầu hỗ trợ của học sinh theo quy định, bao gồm nhu cầu tư vấn học đường, hỗ trợ tâm lý hoặc công tác xã hội trường học khi cần. Nhà trường phối hợp với cha mẹ học sinh, giáo viên, nhân sự hỗ trợ, chuyên gia, cơ quan, tổ chức liên quan khi cần để hỗ trợ học sinh khó khăn, học sinh có nhu cầu đặc thù hoặc học sinh có nguy cơ bị bạo lực, bắt nạt, bắt nạt trực tuyến, khủng hoảng tâm lý, nguy cơ bị tổn thương; bảo đảm không phân biệt đối xử, tôn trọng, an toàn và bảo mật thông tin của học sinh.
	Mức 2	Nhà trường sử dụng dữ liệu về chuyên cần, học tập, rèn luyện, sức khỏe, an toàn, tư vấn học đường, hỗ trợ tâm lý, công tác xã hội trường học, phản ánh, thông tin về sự cố và kết quả hỗ trợ để phát hiện sớm học sinh có nguy cơ hoặc cần hỗ trợ. Các biện pháp hỗ trợ được theo dõi, đánh giá và điều chỉnh phù hợp với nhu cầu của học sinh hoặc nhóm học sinh; có phối hợp với cha mẹ học sinh, chuyên gia, cơ quan, tổ chức liên quan khi cần. Kết quả hỗ trợ được sử dụng để xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập, an toàn, tôn trọng sự khác biệt, bảo vệ học sinh và phòng ngừa rủi ro đối với học sinh.

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 3.5. Kết quả học tập, phát triển, rèn luyện và sự tiến bộ của học sinh	Mức 1	Nhà trường thực hiện đánh giá, ghi nhận và quản lý kết quả học tập, rèn luyện, phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của học sinh theo quy định; theo dõi mức độ đạt yêu cầu về học tập, rèn luyện và phát triển của học sinh theo cấp học. Kết quả được theo dõi theo lớp, khối lớp, môn học/hoạt động giáo dục và nhóm học sinh khi cần; được sử dụng để trao đổi với học sinh, cha mẹ học sinh và điều chỉnh hoạt động dạy học, giáo dục.
	Mức 2	Nhà trường phân tích kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần, sự tiến bộ, sản phẩm học tập, phản hồi phù hợp, kết quả hỗ trợ và nhu cầu của học sinh để điều chỉnh kế hoạch giáo dục, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và biện pháp hỗ trợ. Kết quả theo dõi cho thấy sự tiến bộ của học sinh, sự cải thiện về kết quả học tập, rèn luyện hoặc hiệu quả hỗ trợ đối với học sinh cần hỗ trợ. Việc xem xét kết quả chú trọng đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, không yêu cầu mọi trường phải cao hơn mức trung bình của địa phương.

4. Tiêu chuẩn 4. Điều kiện giáo dục, môi trường an toàn và phối hợp xã hội

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 4.1. Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục	Mức 1	Nhà trường có cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng nếu có, thiết bị dạy học, học liệu, thư viện hoặc nguồn học liệu, khu vệ sinh, sân chơi/bãi tập, hạ tầng công nghệ thông tin và kết nối mạng phục vụ hoạt động quản lý, dạy học, giáo dục theo quy định, phù hợp với cấp học, Chương trình giáo dục phổ thông và điều kiện thực tế. Các điều kiện này được quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo quản và rà soát định kỳ để bảo đảm an toàn, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động giáo dục.
	Mức 2	Nhà trường sử dụng dữ liệu về tình trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu, thư viện, hạ tầng công nghệ thông tin, kết nối mạng và nhu cầu dạy học để lập kế hoạch sửa chữa, bảo trì, bổ sung, sắp xếp hoặc khai thác hiệu quả hơn. Nhà trường từng bước phát triển, sử dụng học liệu số, thiết bị công nghệ, công cụ số hoặc nền tảng hỗ trợ dạy học phù hợp với điều kiện thực tế; không áp dụng cứng các mô hình phòng học thông minh, thiết bị thông minh hoặc không gian học tập số như điều kiện tối thiểu đối với mọi trường. Việc cải thiện điều kiện giáo dục góp phần tạo môi trường học tập an toàn, thân thiện, linh hoạt, hòa nhập và hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động dạy học, giáo dục.

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 4.2. Môi trường giáo dục an toàn, tích cực, hỗ trợ phát triển học sinh	Mức 1	Nhà trường bảo đảm các điều kiện tối thiểu về vệ sinh, nước sạch, khu vệ sinh, ánh sáng, thông gió, sân chơi/bãi tập, an toàn thiết bị, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm nếu có, an toàn số và bảo mật thông tin học sinh. Nhà trường thực hiện chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa bạo lực học đường, xâm hại, bắt nạt, bắt nạt trực tuyến, tai nạn thương tích, khủng hoảng tâm lý và các rủi ro ảnh hưởng đến an toàn, sức khỏe, tinh thần của học sinh; có hồ sơ kiểm soát điều kiện an toàn, kiểm tra định kỳ, kênh tiếp nhận phản ánh, quy trình xử lý sự cố, hồ sơ xử lý sự cố và phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức liên quan khi cần. Việc tiếp nhận, xử lý, hỗ trợ học sinh bảo đảm nguyên tắc bảo mật thông tin, tôn trọng, không kỳ thị và bảo vệ học sinh.
	Mức 2	Nhà trường phân tích dữ liệu về sức khỏe, an toàn, sự cố, phản ánh, khảo sát hoặc phản hồi phù hợp của học sinh, cha mẹ học sinh và đội ngũ để nhận diện nguy cơ, cải thiện môi trường giáo dục và giảm rủi ro. Việc khảo sát phản hồi, an toàn hoặc hài lòng nếu được thực hiện phải phù hợp với lứa tuổi học sinh, bảo đảm khách quan, bảo mật thông tin và không gây áp lực cho người trả lời. Nhà trường xây dựng nền nếp bảo đảm an toàn, chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa bạo lực học đường, xâm hại, bắt nạt, bắt nạt trực tuyến, rủi ro trên môi trường số và hỗ trợ sức khỏe tinh thần của học sinh. Học sinh được tôn trọng, lắng nghe, bảo vệ, hỗ trợ phù hợp và tham gia xây dựng môi trường giáo dục an toàn, tích cực, hòa nhập. Nhà trường theo dõi kết quả sau khắc phục, sử dụng dữ liệu và phản hồi để điều chỉnh biện pháp phòng ngừa, xử lý, hỗ trợ và phòng ngừa tái diễn.
Tiêu chí 4.3. Phối hợp với gia đình, cộng đồng và tổ chức liên quan	Mức 1	Nhà trường duy trì kênh thông tin hai chiều với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ; thông báo kịp thời về chuyên cần, kết quả học tập, rèn luyện, sự tiến bộ, sức khỏe, an toàn và nhu cầu hỗ trợ của học sinh. Nhà trường tiếp nhận, phân loại, xử lý phản hồi theo phạm vi trách nhiệm; có kế hoạch hoặc chương trình phối hợp với gia đình, chính quyền, y tế, công an, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và các bên liên quan để chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an toàn, giáo dục kỹ năng, hướng nghiệp, phân luồng, hỗ trợ học sinh và huy động nguồn lực hợp pháp theo quy định.
	Mức 2	Nhà trường sử dụng phản hồi của cha mẹ học sinh, dữ liệu chuyên cần, kết quả học tập, rèn luyện, sức khỏe, an toàn và hồ sơ hỗ trợ học sinh để điều chỉnh hoạt động phối hợp với gia

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
		đình, cộng đồng và tổ chức liên quan. Cha mẹ học sinh tham gia phù hợp vào hoạt động giáo dục, bảo vệ an toàn, hướng nghiệp khi phù hợp và hỗ trợ học sinh. Nhà trường đánh giá hiệu quả phối hợp; sử dụng kết quả phối hợp để cải thiện chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an toàn, giáo dục kỹ năng, hướng nghiệp, phân luồng, giáo dục hòa nhập, năng lực số, đổi mới sáng tạo khi phù hợp và môi trường giáo dục. Nguồn lực huy động được quản lý, sử dụng minh bạch, hợp pháp và có tác động tích cực đến an toàn, sự tiến bộ và phát triển của học sinh.

Ghi chú: Kết quả đánh giá Mức 1 phản ánh các yêu cầu cơ bản để cơ sở giáo dục tổ chức hoạt động ổn định theo quy định; cơ sở giáo dục có hoạt động, hồ sơ, dữ liệu và phân công thực hiện phù hợp, không có rủi ro nghiêm trọng chưa được xử lý. Kết quả đánh giá Mức 2 phản ánh việc cơ sở giáo dục đã đạt Mức 1, đồng thời sử dụng dữ liệu, phản hồi và kết quả tự đánh giá để cải tiến hoạt động; có minh chứng về kết quả cải tiến chất lượng hoặc tác động thực chất của hoạt động cải tiến.

III. THÔNG TIN MINH CHỨNG

Nhóm nội dung	Thông tin minh chứng	
	Minh chứng gợi ý	Dữ liệu định lượng chính
Tầm nhìn, sứ mạng/mục tiêu và kế hoạch phát triển	Kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch phát triển của nhà trường; mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và phân công thực hiện; báo cáo rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch.	Không yêu cầu dữ liệu định lượng riêng.
Cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và phối hợp nội bộ	Sơ đồ tổ chức; quyết định thành lập hoặc kiện toàn các tổ chức theo quy định; quy chế làm việc hoặc bảng phân công nhiệm vụ; hồ sơ rà soát, điều chỉnh phân công khi có phát sinh.	Không yêu cầu dữ liệu định lượng riêng.
Quản lý kế hoạch, nguồn lực, thông tin và dữ liệu	Hồ sơ, dữ liệu về học sinh, đội ngũ, lớp học, chương trình giáo dục, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính và kết quả giáo dục; minh chứng cập nhật, quản lý, sử dụng, phân quyền và bảo mật dữ liệu; báo cáo hoặc tài liệu sử dụng dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.	Tỷ lệ hồ sơ, dữ liệu quản lý được cập nhật đầy đủ, đúng hạn; số sai lệch dữ liệu được phát hiện và xử lý; số nội dung quản lý, điều hành được điều chỉnh trên cơ sở dữ liệu.
Tự đánh giá, cải tiến, công khai và trách nhiệm giải trình	Báo cáo tự đánh giá hoặc tự kiểm tra; kế hoạch cải tiến chất lượng; hồ sơ theo dõi thực hiện cải tiến; hồ sơ công khai, giải trình, tiếp nhận và xử lý phản hồi; minh chứng kết quả cải tiến.	Số nhiệm vụ cải tiến hoàn thành/tổng số nhiệm vụ cải tiến theo kế hoạch; số phản hồi được tiếp nhận, xử lý.

Nhóm nội dung	Thông tin minh chứng	
	Minh chứng gợi ý	Dữ liệu định lượng chính
Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	Hồ sơ bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; hồ sơ tiêu chuẩn chức danh, đánh giá, bồi dưỡng; kế hoạch chỉ đạo, điều hành; hồ sơ kiểm tra nội bộ, tự đánh giá và cải tiến hoạt động quản lý.	Số cán bộ quản lý cơ sở giáo dục hiện có so với số lượng theo quy định; tỷ lệ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng tiêu chuẩn chức danh; tỷ lệ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục hoàn thành nhiệm vụ trở lên; số nội dung quản lý được cải tiến trên cơ sở kết quả kiểm tra, tự đánh giá.
Giáo viên	Danh sách giáo viên; hồ sơ trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp hoặc tiêu chuẩn chức danh; bảng phân công chuyên môn; hồ sơ sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng; hồ sơ đánh giá, cải tiến hoạt động dạy học và hỗ trợ học sinh.	Số giáo viên hiện có so với định mức; số giáo viên thiếu hoặc thừa theo môn học/hoạt động giáo dục; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo; tỷ lệ giáo viên được phân công phù hợp chuyên môn.
Nhân viên (nhân sự hỗ trợ hoạt động giáo dục)	Danh sách nhân sự hỗ trợ; phân công nhiệm vụ; hồ sơ thực hiện nhiệm vụ về y tế, thư viện, thiết bị, công nghệ thông tin, hành chính, tài chính, bảo vệ, tư vấn và hỗ trợ học sinh; hồ sơ rà soát, điều chỉnh hoạt động hỗ trợ khi có sự thay đổi.	Số vị trí nhân sự hỗ trợ hiện có so với tổng số vị trí theo quy định; tỷ lệ vị trí hỗ trợ được bố trí đáp ứng yêu cầu.
Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục	Kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch dạy học môn học/hoạt động giáo dục; thời khóa biểu, sổ đầu bài hoặc hồ sơ chuyên môn; hồ sơ kiểm tra, đánh giá; minh chứng theo dõi, điều chỉnh tiến độ thực hiện chương trình.	Tỷ lệ lớp thực hiện đúng tiến độ chương trình; tỷ lệ môn học/hoạt động giáo dục hoàn thành theo kế hoạch; tỷ lệ chuyên cần của học sinh; số buổi dạy bù, học bù hoặc điều chỉnh kế hoạch.
Đổi mới phương pháp giáo dục và theo dõi, đánh giá sự phát triển, tiến bộ của học sinh	Kế hoạch bài dạy; hồ sơ chuyên môn; hồ sơ đánh giá học sinh; biên bản sinh hoạt chuyên môn, dự giờ; sản phẩm học tập; minh chứng điều chỉnh phương pháp dạy học, giáo dục và hỗ trợ học sinh.	Tỷ lệ học sinh đạt yêu cầu đánh giá theo quy định; số học sinh có tiến bộ qua từng giai đoạn; số học sinh cần hỗ trợ được theo dõi, hỗ trợ; số chuyên đề sinh hoạt chuyên môn gắn

Nhóm nội dung	Thông tin minh chứng	
	Minh chứng gợi ý	Dữ liệu định lượng chính
		với đổi mới phương pháp, đánh giá học sinh.
Tổ chức hoạt động giáo dục và phát triển toàn diện	Kế hoạch hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; hoạt động thể thao, văn nghệ, kỹ năng sống; hoạt động, dự án giáo dục STEM hoặc STEAM; sản phẩm học sinh; minh chứng phối hợp với gia đình, cộng đồng.	Số hoạt động giáo dục được tổ chức trong năm; tỷ lệ học sinh tham gia các hoạt động giáo dục
Quản lý, theo dõi, hỗ trợ học sinh và giáo dục hòa nhập	Hồ sơ học sinh; dữ liệu chuyên cần, học tập, rèn luyện, sức khỏe và an toàn; danh sách học sinh cần hỗ trợ; kế hoạch và hồ sơ hỗ trợ cá nhân hoặc nhóm; hồ sơ tư vấn học đường, hỗ trợ tâm lý; minh chứng phối hợp với cha mẹ học sinh và các tổ chức liên quan khi cần thiết.	Không yêu cầu dữ liệu định lượng riêng.
Kết quả học tập, phát triển, rèn luyện và sự tiến bộ của học sinh	Hồ sơ đánh giá học sinh; bảng tổng hợp kết quả học tập, rèn luyện theo lớp, khối, môn học/hoạt động giáo dục; hồ sơ chuyên cần; danh sách học sinh chưa đạt hoặc cần hỗ trợ; hồ sơ điều chỉnh dạy học và hỗ trợ sau đánh giá.	Tỷ lệ học sinh đạt yêu cầu theo quy định; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình/lớp học/cấp học (khi áp dụng); số học sinh chưa đạt hoặc cần hỗ trợ.
Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục	Hồ sơ phòng học, phòng chức năng; danh mục cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu, thư viện; hồ sơ hạ tầng công nghệ thông tin, kết nối mạng; hồ sơ kiểm kê, bảo trì, sửa chữa, bổ sung; minh chứng khai thác thiết bị, học liệu và học liệu số.	Số phòng học đạt yêu cầu so với tổng số phòng học; số phòng chức năng hoặc không gian học tập đáp ứng yêu cầu khi áp dụng; số hạng mục cơ sở vật chất thiếu, xuống cấp hoặc cần sửa chữa; tỷ lệ thiết bị dạy học sử dụng được so với tổng số thiết bị; tỷ lệ lớp học bảo đảm sĩ số theo quy định.
Môi trường giáo dục an toàn, tích cực, hỗ trợ phát triển học sinh	Hồ sơ vệ sinh, an toàn trường học; hồ sơ y tế học đường; bảng kiểm an toàn, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm nếu có; kênh tiếp nhận phản ánh; hồ sơ xử lý sự cố, bạo lực, bắt nạt, an toàn số; hồ sơ hỗ trợ tâm lý, bảo mật thông tin học sinh.	Số sự cố an toàn trường học được ghi nhận; số sự cố được xử lý theo quy trình; số trường hợp bạo lực, bắt nạt, xâm hại hoặc nguy cơ mất an toàn được xử lý; số học sinh được hỗ trợ về sức khỏe, tâm lý hoặc an toàn.

Nhóm nội dung	Thông tin minh chứng	
	Minh chứng gợi ý	**Dữ liệu định lượng chính**
Phối hợp với gia đình, cộng đồng và tổ chức liên quan	Sổ liên lạc hoặc kênh thông tin điện tử; hồ sơ trao đổi hai chiều với cha mẹ học sinh; biên bản họp cha mẹ học sinh; hồ sơ phối hợp với chính quyền, y tế, công an, tổ chức xã hội, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp khi phù hợp; hồ sơ huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực theo quy định.	Không yêu cầu dữ liệu định lượng riêng.

Lưu ý: Thông tin minh chứng sử dụng trong đánh giá phải có nguồn gốc rõ ràng, phản ánh đúng thực trạng hoạt động của cơ sở giáo dục và được thu thập, lưu trữ theo quy định. Một minh chứng có thể được sử dụng cho nhiều tiêu chí nếu phù hợp về nội dung. Việc xác định mức độ đáp ứng tiêu chí được thực hiện trên cơ sở xem xét tổng hợp thông tin minh chứng, dữ liệu định lượng chính, mức độ triển khai và hiệu quả thực hiện trong thực tế; không chỉ dựa trên sự tồn tại của văn bản hoặc hồ sơ. Dữ liệu định lượng chính là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí, được lựa chọn đối với những nội dung có thể đo lường, thống kê hoặc khai thác từ hệ thống quản lý, cơ sở dữ liệu ngành và hồ sơ quản lý sẵn có của cơ sở giáo dục. Việc sử dụng dữ liệu định lượng chính phải kết hợp với thông tin minh chứng và kết quả triển khai thực tế; phù hợp với loại hình, quy mô, cấp học và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục. Đối với nội dung không áp dụng hoặc chưa phát sinh thì xem xét trên cơ sở thông tin minh chứng và kết quả triển khai thực tế.

Phụ lục III

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG, MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG VÀ THÔNG TIN MINH CHỨNG CÁC TIÊU CHÍ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. BẢNG TỔNG HỢP

STT	Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1. Quản trị nhà trường và bảo đảm chất lượng	4	
2	Tiêu chuẩn 2. Phát triển đội ngũ	3	
3	Tiêu chuẩn 3. Thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục và phát triển người học	5	
4	Tiêu chuẩn 4. Điều kiện giáo dục, môi trường an toàn và phối hợp xã hội	3	
	Tổng số tiêu chí	**15**	

Ghi chú: Trong Phụ lục này, "nhà trường" được hiểu là trung tâm giáo dục thường xuyên và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; "người học" được hiểu là học viên; "hoạt động giáo dục" bao gồm hoạt động dạy học, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng và các hoạt động hỗ trợ người học theo chức năng, nhiệm vụ của trung tâm; "nhân sự hỗ trợ giáo dục" được hiểu là viên chức, nhân viên hoặc người được phân công thực hiện các nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ hoạt động giáo dục, hướng nghiệp, quản lý học viên và vận hành trung tâm theo quy định và điều kiện thực tế.

II. NỘI DUNG VÀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA TIÊU CHÍ

1. Tiêu chuẩn 1. Quản trị nhà trường và bảo đảm chất lượng

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
TC1.1. Tầm nhìn, sứ mạng/mục tiêu và kế hoạch phát triển	Mức 1	Xác định mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch phát triển/kế hoạch năm học phù hợp với nhiệm vụ giáo dục thường xuyên, điều kiện, nhu cầu nhân lực của địa phương, nhu cầu học tập của học viên, người dân và cộng đồng.

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
	Mức 2	Đạt Mức 1 và có cải tiến thực chất: sử dụng dữ liệu, phản hồi của học viên, đội ngũ, các bên liên quan và kết quả tự đánh giá để rà soát, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển/năm học; có minh chứng kết quả sau cải tiến qua chu kỳ.
Tiêu chí 1.2. Cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và phối hợp nội bộ	Mức 1	Đáp ứng yêu cầu tối thiểu và vận hành ổn định: Trung tâm có cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và cơ chế phối hợp nội bộ rõ ràng đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục, tổ/bộ phận và người phụ trách nhiệm vụ trọng tâm; việc phân công phù hợp với quy mô, chương trình, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục và điều kiện thực tế.
	Mức 2	Đạt Mức 1 và có cải tiến thực chất: sử dụng dữ liệu, phản hồi của đội ngũ và kết quả tự đánh giá để rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và cơ chế phối hợp nội bộ; các nhiệm vụ trọng tâm được thực hiện ổn định, hạn chế chồng chéo, bỏ sót hoặc quá tải.
Tiêu chí 1.3. Quản lý kế hoạch, nguồn lực, thông tin và dữ liệu	Mức 1	Quản lý kế hoạch, tài chính, cơ sở vật chất, học liệu, nhân lực, hồ sơ học viên; thông tin về lớp, khóa học, tình trạng tham gia học tập, kết quả học tập, rèn luyện và thông tin về an toàn; thực hiện công khai thông tin theo quy định.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu, hồ sơ điện tử, phần mềm hoặc cơ sở dữ liệu ngành nếu có, phản hồi của các bên liên quan và kết quả tự đánh giá để rà soát, điều chỉnh kế hoạch, nguồn lực, thông tin và dữ liệu; có minh chứng kết quả sau cải tiến qua chu kỳ.
Tiêu chí 1.4. Tự đánh giá, cải tiến, công khai và trách nhiệm giải trình	Mức 1	Thực hiện tự kiểm tra/tự đánh giá, xác định vấn đề cần cải tiến, lập kế hoạch cải tiến, theo dõi kết quả, công khai thông tin và giải trình với cơ quan quản lý, học viên và các bên liên quan; có kênh tiếp nhận phản hồi phù hợp.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu, phản hồi của học viên, đội ngũ, các bên liên quan và kết quả tự đánh giá để điều chỉnh hoạt động tự đánh giá, cải tiến, công khai và giải trình; có minh chứng về kết quả cải tiến được theo dõi tối thiểu trong 01 chu kỳ, trong đó ưu tiên các nội dung liên quan đến duy trì học tập, hỗ trợ học viên và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục qua chu kỳ.

2. Tiêu chuẩn 2. Phát triển đội ngũ

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 2.1. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	Mức 1	Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục có hồ sơ chức danh/phân công, đánh giá hằng năm, bồi dưỡng/tập huấn theo quy định hoặc kế hoạch; tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của trung tâm phù hợp với nhiệm vụ giáo dục thường xuyên, chương trình, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục và đặc điểm người học. Có hồ sơ, dữ liệu và phân công thực hiện.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu, phản hồi của học viên, đội ngũ, bên liên quan và kết quả tự đánh giá để điều chỉnh quản lý, phát triển đội ngũ và cải tiến hoạt động của trung tâm; có minh chứng kết quả sau cải tiến qua chu kỳ.
Tiêu chí 2.2. Giáo viên	Mức 1	Giáo viên có hồ sơ đáp ứng yêu cầu về trình độ, chuẩn/chức danh, phân công, kế hoạch dạy học, đánh giá học viên, sinh hoạt chuyên môn và bồi dưỡng phù hợp với chương trình giáo dục thường xuyên; giáo viên cơ hữu, hợp đồng, thỉnh giảng có đủ số lượng theo định mức hoặc phương án được phê duyệt; được phân công phù hợp với chương trình, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục và điều kiện thực tế.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu, phản hồi của học viên, kết quả đánh giá và kết quả tự đánh giá để điều chỉnh phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, hỗ trợ tự học, học tập linh hoạt và duy trì học tập của học viên; có minh chứng kết quả sau cải tiến qua chu kỳ.
Tiêu chí 2.3. Nhân sự hỗ trợ giáo dục	Mức 1	Nhân viên, giáo viên hoặc người được phân công, kiêm nhiệm được bố trí để thực hiện nhiệm vụ tư vấn hỗ trợ học tập, hướng nghiệp, tư vấn y tế, thư viện/học liệu, thiết bị, công nghệ thông tin, hành chính, tài chính, bảo vệ, tư vấn/hỗ trợ học viên nếu có, phù hợp với quy định, quy mô và điều kiện thực tế.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu, phản hồi của học viên, đội ngũ và kết quả tự đánh giá để rà soát, điều chỉnh phân công, phối hợp và bồi dưỡng nhân sự hỗ trợ giáo dục; các nhiệm vụ hỗ trợ học viên, an toàn và vận hành trung tâm được thực hiện ổn định; có minh chứng kết quả sau cải tiến qua chu kỳ.

3. Tiêu chuẩn 3. Thực hiện chương trình, đổi mới phương pháp giáo dục và phát triển người học

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 3.1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục	Mức 1	Tổ chức thực hiện chương trình/kế hoạch giáo dục theo năm học, học kỳ, tháng/tuần hoặc khóa học; theo dõi tiến độ, tình hình tham gia học tập, kết quả học tập và điều chỉnh khi phát sinh, phù hợp với chương trình, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục và điều kiện thực tế. Có hồ sơ, dữ liệu và phân công thực hiện.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu về tiến độ, tình hình tham gia học tập, kết quả học tập, phản hồi của học viên, đội ngũ và kết quả tự đánh giá để điều chỉnh chương trình/kế hoạch giáo dục, thời khóa biểu hoặc hình thức tổ chức hoạt động giáo dục khi phù hợp; có minh chứng kết quả sau cải tiến qua chu kỳ.
Tiêu chí 3.2. Đổi mới phương pháp dạy học và theo dõi, đánh giá sự phát triển, tiến bộ của người học	Mức 1	Giáo viên áp dụng phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp với đặc điểm người học, điều kiện học tập, chương trình và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục; thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên theo quy định. Kết quả kiểm tra, đánh giá được sử dụng để điều chỉnh dạy học và hỗ trợ học viên duy trì học tập.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu, phản hồi của học viên, kết quả kiểm tra, đánh giá và kết quả tự đánh giá để điều chỉnh phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá và hoạt động hỗ trợ học viên; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số hoặc học liệu phù hợp khi có điều kiện; có minh chứng kết quả sau cải tiến qua chu kỳ.
Tiêu chí 3.3. Tổ chức hoạt động giáo dục và phát triển toàn diện	Mức 1	Tổ chức hoạt động giáo dục bổ trợ về kỹ năng sống, giáo dục công dân, hướng nghiệp/phân luồng, năng lực số, hoạt động cộng đồng, tác phong học tập, tác phong lao động, an toàn hoặc nội dung phù hợp với chương trình và điều kiện học viên.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu, phản hồi của học viên, đội ngũ, bên liên quan và kết quả tự đánh giá để điều chỉnh hoạt động giáo dục bổ trợ, hướng nghiệp, phân luồng, năng lực số hoặc hoạt động cộng đồng; phối hợp với tổ chức, cá nhân liên quan khi phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động; có minh chứng kết quả sau cải tiến qua chu kỳ.

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 3.4. Quản lý, theo dõi, hỗ trợ người học và giáo dục hòa nhập	Mức 1	Quản lý hồ sơ học viên, theo dõi chuyên cần/tham gia học tập, nhận diện học viên có nguy cơ ngừng học/bỏ học hoặc cần hỗ trợ; thực hiện biện pháp tư vấn, phối hợp hoặc hỗ trợ phù hợp, bảo đảm không phân biệt đối xử.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu chuyên cần/tham gia học tập, kết quả học tập, phản hồi của học viên, đội ngũ, bên liên quan và kết quả tự đánh giá để điều chỉnh biện pháp quản lý, theo dõi, tư vấn, hỗ trợ học viên và giáo dục hòa nhập; có minh chứng kết quả sau hỗ trợ hoặc cải tiến qua chu kỳ.
Tiêu chí 3.5. Kết quả học tập, phát triển, rèn luyện và sự tiến bộ của người học	Mức 1	Theo dõi kết quả học tập, rèn luyện, hoàn thành chương trình/giai đoạn, sự tiến bộ của học viên, kết quả hỗ trợ, học tiếp, học nghề hoặc việc làm (dữ liệu việc làm thu thập tùy thuộc điều kiện) khi có dữ liệu hợp pháp. Có hồ sơ, dữ liệu và phân công thực hiện.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu kết quả học tập, rèn luyện, hoàn thành chương trình/giai đoạn, kết quả hỗ trợ, học tiếp, học nghề hoặc việc làm khi có dữ liệu hợp pháp, phản hồi của học viên, đội ngũ và kết quả tự đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ học viên; có minh chứng kết quả sau cải tiến qua chu kỳ.

4. Tiêu chuẩn 4. Điều kiện giáo dục, môi trường an toàn và phối hợp xã hội

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 4.1. Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục	Mức 1	Có phòng học, thiết bị, học liệu, thư viện/nguồn học liệu, hạ tầng kỹ thuật/số, khu vệ sinh và điều kiện tổ chức dạy học trực tiếp, học trực tuyến hoặc kết hợp khi có điều kiện; quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu phục vụ hoạt động giáo dục theo quy định, bao gồm việc khai thác, sử dụng nguồn lực hợp pháp nếu có.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu kiểm kê, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, phản hồi của học viên, đội ngũ và kết quả tự đánh giá để rà soát, bảo trì, bổ sung, điều chỉnh hoặc đề xuất cải thiện điều kiện giáo dục; có minh chứng kết quả sau cải tiến qua chu kỳ.
	Mức 1	Kiểm soát điều kiện vệ sinh, nước sạch, ánh sáng, thông gió, an toàn thiết bị, phòng cháy chữa cháy, an toàn số, bảo mật thông tin, sức khỏe, tâm lý, tư vấn/hỗ trợ và xử lý sự cố; bảo đảm an

Tiêu chí	Nội dung và mức độ đáp ứng của tiêu chí	
Tiêu chí 4.2. Môi trường giáo dục an toàn, sức khỏe và hạnh phúc		toàn khi tổ chức hoạt động thực hành, thực tập hoặc hoạt động liên kết nếu có. Có hồ sơ, dữ liệu và phân công thực hiện.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu về an toàn, sức khỏe, sự cố, phản hồi của học viên, đội ngũ, bên liên quan và kết quả tự đánh giá để phòng ngừa rủi ro, cải thiện môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phù hợp với đặc điểm học viên; có minh chứng kết quả sau cải tiến qua chu kỳ.
Tiêu chí 4.3. Phối hợp với gia đình, cộng đồng và tổ chức liên quan	Mức 1	Duy trì kênh liên lạc với học viên; phối hợp với gia đình/người giám hộ khi phù hợp, chính quyền, y tế, công an, cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp sử dụng lao động, tổ chức xã hội để hỗ trợ học viên, bảo đảm an toàn, hướng nghiệp, phân luồng, học tiếp, học nghề và học tập suốt đời. Có hồ sơ, dữ liệu và phân công thực hiện.
	Mức 2	Đạt Mức 1; sử dụng dữ liệu, phản hồi của học viên, gia đình/người giám hộ khi phù hợp, cộng đồng, tổ chức liên quan và kết quả tự đánh giá để điều chỉnh hoạt động phối hợp, huy động và sử dụng nguồn lực hợp pháp; có minh chứng kết quả sau phối hợp hoặc cải tiến qua chu kỳ.

Lưu ý: Kết quả đánh giá Mức 1 phản ánh các yêu cầu cơ bản dựa trên việc tuân thủ quy định bảo đảm chất lượng để cơ sở giáo dục tổ chức hoạt động ổn định; cơ sở giáo dục phải có hoạt động, hồ sơ, dữ liệu và phân công thực hiện phù hợp; không có rủi ro nghiêm trọng chưa xử lý. Kết quả đánh giá mức 2 phản ánh việc cơ sở giáo dục đã đạt Mức 1, đồng thời sử dụng dữ liệu, phản hồi, kết quả tự đánh giá để cải tiến hoạt động; có minh chứng về kết quả hoặc tác động thực chất của hoạt động cải tiến.

III. THÔNG TIN MINH CHỨNG

Nhóm nội dung	Thông tin, minh chứng	
	Minh chứng gợi ý	Dữ liệu định lượng chính
Tầm nhìn, sứ mạng/mục tiêu và kế hoạch phát triển	Kế hoạch năm học; kế hoạch thực hiện từng chương trình giáo dục, khóa học; mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ; quyết định của Giám đốc trung tâm; nghị quyết Hội đồng trường nếu có; biên bản họp lãnh đạo hoặc hội đồng chuyên	Không yêu cầu dữ liệu định lượng riêng.

Nhóm nội dung	Thông tin, minh chứng	
	Minh chứng gợi ý	**Dữ liệu định lượng chính**
	môn; báo cáo kết quả thực hiện; minh chứng rà soát, điều chỉnh kế hoạch nếu có; minh chứng công khai kế hoạch và kết quả thực hiện.	
Cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và phối hợp nội bộ	Quyết định thành lập, quy chế tổ chức và hoạt động; sơ đồ tổ chức; phân công nhiệm vụ; hồ sơ giao việc; biên bản họp, phối hợp nội bộ; minh chứng điều chỉnh phân công khi có thay đổi.	Không yêu cầu dữ liệu định lượng riêng.
Quản lý kế hoạch, nguồn lực, thông tin và dữ liệu	Hồ sơ quản lý học viên; danh sách lớp/khóa học; dữ liệu chuyên cần/tham gia học tập; kết quả học tập, rèn luyện; hồ sơ tài chính, cơ sở vật chất, học liệu và nhân lực; hồ sơ điện tử hoặc phần mềm quản lý nếu có; báo cáo rà soát dữ liệu phục vụ quản lý.	Tỷ lệ hồ sơ học viên được cập nhật đầy đủ, đúng thời hạn; tỷ lệ lớp/khóa học có dữ liệu tham gia học tập được cập nhật đầy đủ; số sai lệch dữ liệu được phát hiện và xử lý.
Tự đánh giá, cải tiến, công khai và trách nhiệm giải trình	Báo cáo tự đánh giá hoặc tự kiểm tra; kế hoạch cải tiến; danh mục nhiệm vụ cải tiến, phân công thực hiện, thời hạn và kết quả; hồ sơ công khai, giải trình; phản hồi của học viên, đội ngũ và bên liên quan; minh chứng kết quả cải tiến.	Tỷ lệ nhiệm vụ cải tiến hoàn thành theo kế hoạch; số phản hồi được tiếp nhận, xử lý.
Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	Hồ sơ giám đốc, phó giám đốc hoặc cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; quyết định phân công nhiệm vụ; hồ sơ đánh giá, bồi dưỡng; kế hoạch chỉ đạo, điều hành; hồ sơ kiểm tra nội bộ, tự đánh giá và cải tiến hoạt động quản lý.	Số cán bộ quản lý cơ sở giáo dục hiện có so với số lượng theo quy định; tỷ lệ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng tiêu chuẩn chức danh.
Giáo viên	Danh sách giáo viên cơ hữu, giáo viên hợp đồng, giáo viên thỉnh giảng hoặc giáo viên tham gia giảng dạy theo hợp đồng liên kết (nếu có); hồ sơ trình độ đào tạo, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; phân công giảng dạy; hồ sơ sinh	Số giáo viên hiện có so với nhu cầu; số giáo viên thiếu hoặc thừa theo môn học/chương trình giáo dục; tỷ

Nhóm nội dung	Thông tin, minh chứng	
	Minh chứng gợi ý	**Dữ liệu định lượng chính**
	hoạt chuyên môn, bồi dưỡng; hồ sơ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên; minh chứng điều chỉnh hoạt động dạy học và hỗ trợ học viên.	lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo hoặc tiêu chuẩn chức danh theo quy định; tỷ lệ giáo viên được phân công phù hợp chuyên môn.
Nhân sự hỗ trợ giáo dục	Danh sách nhân viên hoặc người được giao kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ giáo dục; phân công nhiệm vụ học vụ, thư viện hoặc học liệu, thiết bị, công nghệ thông tin, hành chính, tài chính, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ học viên khi có; hồ sơ tập huấn và kết quả thực hiện nhiệm vụ.	Số vị trí nhân sự hỗ trợ hiện có so với số vị trí theo yêu cầu; tỷ lệ vị trí hỗ trợ được bố trí đáp ứng yêu cầu.
Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục	Kế hoạch giáo dục theo năm học, học kỳ, tháng/tuần hoặc khóa học; lịch học/thời khóa biểu; hồ sơ lớp/khóa học; báo cáo tiến độ; hồ sơ điều chỉnh, bù đắp nội dung khi phát sinh; minh chứng thực hiện đầy đủ nội dung chương trình.	Tỷ lệ hoàn thành chương trình/kế hoạch giáo dục; tỷ lệ duy trì tiến độ đúng kế hoạch.
Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá người học	Kế hoạch bài dạy; hồ sơ dự giờ, sinh hoạt chuyên môn; hồ sơ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên; phản hồi của học viên; minh chứng điều chỉnh phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, hỗ trợ tự học, học tập linh hoạt, học tập kết hợp và duy trì học tập.	Tỷ lệ học viên đạt yêu cầu theo quy định; số chuyên đề sinh hoạt chuyên môn gắn với đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá hoặc hỗ trợ học tập.
Tổ chức hoạt động giáo dục và phát triển toàn diện	Kế hoạch và hồ sơ hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, phân luồng, giáo dục kỹ năng sống, năng lực số, học tập suốt đời, hoạt động cộng đồng hoặc nội dung bổ trợ phù hợp; sản phẩm hoạt động, dữ liệu tham gia, phản hồi của học viên.	Số hoạt động giáo dục bổ trợ được tổ chức trong năm học/khóa học; tỷ lệ học viên tham gia các hoạt động giáo dục bổ trợ.

Nhóm nội dung	Thông tin, minh chứng	
	Minh chứng gợi ý	**Dữ liệu định lượng chính**
Quản lý, theo dõi, hỗ trợ người học và giáo dục hòa nhập	Hồ sơ học viên; dữ liệu chuyên cần/tham gia học tập; danh sách học viên cần hỗ trợ, có nguy cơ ngừng học, bỏ học hoặc mất kết nối học tập trực tuyến; kế hoạch hỗ trợ cá nhân/nhóm; hồ sơ tư vấn, phối hợp, kết quả hỗ trợ; hồ sơ bảo mật thông tin.	Số học viên có nguy cơ ngừng học, bỏ học hoặc cần hỗ trợ được theo dõi, hỗ trợ; số lượt tư vấn, hỗ trợ người học theo nhu cầu.
Kết quả học tập, phát triển, rèn luyện và sự tiến bộ của người học	Bảng tổng hợp kết quả học tập, rèn luyện, hoàn thành chương trình/giai đoạn; dữ liệu chuyên cần, duy trì học tập; kết quả hỗ trợ; dữ liệu học tiếp, học nghề hoặc việc làm khi có dữ liệu hợp pháp hoặc phù hợp với chương trình giáo dục; báo cáo phân tích xu hướng và tiến bộ.	Tỷ lệ học viên hoàn thành chương trình/giai đoạn/khóa học; số học viên chưa đạt yêu cầu hoặc cần hỗ trợ; xu hướng kết quả theo năm học hoặc khóa học khi có dữ liệu.
Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục	Hồ sơ phòng học, phòng chức năng, thiết bị, học liệu, thư viện/nguồn học liệu, hạ tầng kỹ thuật/số, khu vệ sinh; kiểm kê, bảo trì, sửa chữa, bổ sung; minh chứng sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu phục vụ dạy học; hồ sơ phối hợp, liên kết sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu hoặc nguồn lực hợp pháp khác nếu có.	Tỷ lệ phòng đạt chuẩn (%); tỷ lệ thiết bị hoạt động tốt (%); Tỷ lệ sử dụng thiết bị (%); số hạng mục sửa chữa/bổ sung/năm.
Môi trường giáo dục an toàn, sức khỏe và hạnh phúc	Bảng kiểm an toàn; hồ sơ vệ sinh, nước sạch, ánh sáng, thông gió, phòng cháy chữa cháy, an toàn số, bảo mật thông tin; hồ sơ sự cố, xử lý và phòng ngừa; hồ sơ tư vấn/hỗ trợ học viên; khảo sát/phản hồi ẩn danh nếu triển khai.	Số sự cố/năm; tỷ lệ xử lý sự cố đúng quy trình (%); tỷ lệ giảm sự cố qua các năm (%); mức độ hài lòng môi trường giáo dục (%) nếu khảo sát.
Phối hợp với gia đình, cộng đồng và tổ chức liên quan	Kế hoạch phối hợp; kênh thông tin với học viên, gia đình/người giám hộ khi phù hợp; hồ sơ phối hợp với chính quyền, y tế, công an, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức xã hội; minh chứng phối hợp, hỗ trợ từ các tổ chức, cá	Số hoạt động phối hợp trong năm học/khóa học; số người học được hỗ trợ hoặc hưởng lợi từ hoạt động phối hợp.

Nhóm nội dung	Thông tin, minh chứng	
	Minh chứng gợi ý	**Dữ liệu định lượng chính**
	nhân theo quy định (nếu có); minh chứng kết quả hoặc tác động của hoạt động phối hợp.	

Lưu ý: Thông tin minh chứng sử dụng trong đánh giá phải có nguồn gốc rõ ràng, phản ánh đúng thực trạng hoạt động của cơ sở giáo dục và được thu thập, lưu trữ theo quy định. Một minh chứng có thể được sử dụng cho nhiều tiêu chí nếu phù hợp về nội dung. Việc xác định mức độ đáp ứng tiêu chí được thực hiện trên cơ sở xem xét tổng hợp thông tin minh chứng, dữ liệu định lượng chính, mức độ triển khai và hiệu quả thực hiện trong thực tế; không chỉ dựa trên sự tồn tại của văn bản hoặc hồ sơ. Dữ liệu định lượng chính là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí, được lựa chọn đối với những nội dung có thể đo lường, thống kê hoặc khai thác từ hệ thống quản lý, cơ sở dữ liệu ngành và hồ sơ quản lý sẵn có của cơ sở giáo dục. Việc sử dụng dữ liệu định lượng chính phải kết hợp với thông tin minh chứng và kết quả triển khai thực tế; phù hợp với loại hình, quy mô, chương trình, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục. Đối với nội dung không áp dụng hoặc chưa phát sinh thì xem xét trên cơ sở thông tin minh chứng và kết quả triển khai thực tế./.

Phụ lục IV

Minh chứng trong báo cáo tự đánh giá của cơ sở giáo dục

(Kèm theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nguyên tắc chung: minh chứng sử dụng trong báo cáo tự đánh giá phải phù hợp với nội dung được đánh giá, chính xác, còn giá trị sử dụng và có thể kiểm chứng; số lượng minh chứng phải hợp lý, tránh trùng lặp và không yêu cầu tạo lập hồ sơ, tài liệu chỉ nhằm phục vụ tự đánh giá.

2. Mã hóa minh chứng: Mỗi minh chứng phải được gắn một mã định danh duy nhất và được sử dụng thống nhất trong toàn bộ báo cáo và danh mục minh chứng. Trường hợp một minh chứng được sử dụng cho nhiều nội dung thuộc các tiêu chí khác nhau thì phải sử dụng lại đúng mã đã được định danh, không được cấp mã mới.

3. Trích dẫn minh chứng trong báo cáo: trong nội dung báo cáo tự đánh giá, tại các nhận định, phân tích, đánh giá có sử dụng minh chứng, cơ sở giáo dục phải ghi rõ mã minh chứng tương ứng; việc trích dẫn mã minh chứng phải bảo đảm rõ ràng, chính xác, phù hợp với nội dung được dẫn chiếu.

4. Liên kết điện tử (hyperlink) đối với minh chứng: Khuyến khích mã minh chứng trong báo cáo được thiết lập dưới dạng liên kết điện tử (hyperlink) đến tệp minh chứng hoặc vị trí lưu trữ minh chứng để thuận tiện cho việc tra cứu, kiểm tra, đối chiếu. Trường hợp chưa có điều kiện thiết lập liên kết điện tử, cơ sở giáo dục mô tả rõ vị trí lưu trữ minh chứng trong báo cáo và danh mục minh chứng.

5. Quản lý và lưu trữ minh chứng: Minh chứng được quản lý, sắp xếp khoa học theo danh mục, bảo đảm thuận tiện cho việc tra cứu, kiểm tra, đối chiếu, an toàn và bảo mật thông tin theo quy định. Khuyến khích số hóa và lưu trữ minh chứng dưới dạng điện tử phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục. Trường hợp minh chứng đã có trong cơ sở dữ liệu ngành hoặc hệ thống quản lý của cơ sở giáo dục thì được khai thác, sử dụng trực tiếp, không yêu cầu tạo lập hoặc lưu trữ lại, trừ trường hợp cần cập nhật, bổ sung hoặc xác minh.

6. Đối với các nội dung, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước (nếu có), việc quản lý, khai thác và sử dụng minh chứng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

1. Cấu trúc mã minh chứng

a) Nguyên tắc xây dựng mã: mỗi minh chứng có một mã duy nhất, không trùng lặp; mã thể hiện được vị trí tiêu chuẩn, tiêu chí và thứ tự minh chứng.

b) Cấu trúc mã chuẩn: MC. (Tiêu chuẩn).(Tiêu chí).(Số thứ tự)

Trong đó: MC: viết tắt của "Minh chứng"; tiêu chuẩn: số thứ tự tiêu chuẩn

(1, 2, 3, …); tiêu chí: số thứ tự tiêu chí trong tiêu chuẩn; số thứ tự: số thứ tự minh chứng (01, 02, 03, …).

Ví dụ: MC.1.1.01; MC.2.3.02; MC.4.3.05

2. Trích dẫn minh chứng trong báo cáo

a) Trường hợp có điều kiện thực hiện, mã minh chứng được gắn liên kết điện tử đến tệp minh chứng, thư mục lưu trữ hoặc hệ thống quản lý dữ liệu điện tử.

Ví dụ: "Nhà trường đã ban hành kế hoạch năm học theo quy định (MC.1.1.01)."

b) Trường hợp sử dụng nhiều minh chứng: Ghi lần lượt, phân cách bằng dấu phẩy.

Ví dụ: (MC.1.1.01, MC.1.1.02)

3. Liên kết điện tử

a) Trường hợp có điều kiện thực hiện, mã minh chứng có thể được gắn liên kết điện tử đến tệp minh chứng, thư mục lưu trữ hoặc hệ thống quản lý dữ liệu điện tử;

b) Liên kết điện tử cần bảo đảm khả năng truy cập, tra cứu và quyền truy cập phù hợp trong thời gian minh chứng còn giá trị sử dụng;

c) Trường hợp không sử dụng liên kết điện tử, cơ sở giáo dục ghi rõ vị trí lưu trữ minh chứng trong danh mục minh chứng.

4. Danh mục minh chứng

Cơ sở giáo dục lập danh mục minh chứng phục vụ quản lý và tra cứu:

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Định dạng, vị trí lưu trữ hoặc đường dẫn điện tử	Ghi chú
1	MC.1.1.01	Kế hoạch năm học …	Ví dụ: DOCX/PDF/JPG/XLSX..	…
2	MC.1.1.02	Biên bản họp …	…	…
3	MC.1.1.03	Hình ảnh hoạt động	…	…
4	…			

5. Lưu ý

a) Đối với cơ sở giáo dục chưa đủ điều kiện số hóa: được phép sử dụng minh chứng bản giấy; phải mô tả rõ vị trí lưu trữ trong danh mục minh chứng.

b) Khuyến khích các cơ sở giáo dục sử dụng nền tảng số để quản lý minh chứng; chuẩn hóa dữ liệu phục vụ tự đánh giá, cải tiến chất lượng, quản trị cơ sở giáo dục và thẩm định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia./.

Phụ lục V
CÁC BIỂU MẪU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên biểu mẫu	Trang
1	Mẫu số 1. Báo cáo Tự đánh giá cơ sở giáo dục	1
2	Mẫu số 2. Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục hằng năm của cơ sở giáo dục	19
3	Mẫu số 3. Phiếu ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định	22
4	Mẫu số 4. Thông báo kết quả thẩm định	24
5	Mẫu số 5. Biên bản họp Hội đồng thẩm định	27
6	Mẫu số 6. Mẫu bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	33
7	Mẫu số 7. Báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia	34

Mẫu số 1. Báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục

(Bìa ngoài)

... (CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP)
... (CƠ SỞ GIÁO DỤC)

BÁO CÁO

TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

.... - NĂM ...

(Bìa trong)

... (CƠ QUAN QUẢN LÝ)
... (CƠ SỞ GIÁO DỤC)

BÁO CÁO

TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1			Chủ tịch Hội đồng	
2			Phó Chủ tịch Hội đồng	
3			Thư ký Hội đồng	
4			Ủy viên Hội đồng	
5			Ủy viên Hội đồng	
...				

.... - NĂM ...

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	…
Phần I. TỔNG QUAN	
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	
Tiêu chuẩn 1	
Tiêu chí 1.1	
Tiêu chí 1.2	
...	
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	
Tiêu chuẩn 2	
Tiêu chí 2.1	
Tiêu chí 2.2	
...	
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	
Tiêu chuẩn 3	
Tiêu chí 3.1	
Tiêu chí 3.2	
...	
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	
Tiêu chuẩn 4	
Tiêu chí 4.1	
Tiêu chí 4.2	
…	
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	
Phần IV. PHỤ LỤC	

Phần I. TỔNG QUAN

1. Thông tin chung

a) Tên cơ sở giáo dục: …

b) Địa chỉ, thông tin liên hệ: …

c) Cơ quan quản lý trực tiếp: …

d) Loại hình và cấp học: …

đ) Năm thành lập: …

e) Quy mô: … *(nêu tóm tắt thông tin, số liệu về số lớp, số học sinh, số cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục)*

2. Bối cảnh và đặc điểm

a) Điều kiện kinh tế - xã hội địa phương: …

b) Thuận lợi: …

c) Khó khăn: …

d) Đặc điểm người học: …

3. Mục đích, phạm vi, thời gian thực hiện tự đánh giá

a) Mục đích

Báo cáo tự đánh giá được xây dựng nhằm:

- Phân tích thực trạng chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục trên cơ sở các tiêu chuẩn, tiêu chí bảo đảm chất lượng;

- Xác định điểm mạnh, điểm hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong quá trình tổ chức và thực hiện hoạt động giáo dục;

- Làm căn cứ để xây dựng, điều chỉnh và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo hướng liên tục, thực chất và có minh chứng;

- Tăng cường năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong quản lý và bảo đảm chất lượng.

b) Phạm vi

Phạm vi tự đánh giá bao gồm toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục liên quan đến việc bảo đảm chất lượng giáo dục, cụ thể:

- Các điều kiện bảo đảm chất lượng (đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, môi trường giáo dục…);

- Hoạt động tổ chức và thực hiện chương trình giáo dục;

- Hoạt động giáo dục, dạy học, trải nghiệm và hỗ trợ người học;

- Kết quả giáo dục và sự phát triển toàn diện của người học;

- Công tác quản lý, điều hành và cải tiến chất lượng của cơ sở giáo dục.

Việc tự đánh giá được thực hiện theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí quy định, bảo đảm tính hệ thống, đầy đủ và dựa trên minh chứng.

c) Thời gian thực hiện tự đánh giá

- Tự đánh giá được thực hiện định kỳ hằng năm, gắn với chu kỳ kế hoạch năm học của cơ sở giáo dục[1];

- Thời gian tổng hợp, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá được thực hiện vào cuối năm học hoặc thời điểm phù hợp theo kế hoạch bảo đảm chất lượng của nhà trường;

- Kết quả tự đánh giá được cập nhật liên tục làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục của năm học tiếp theo.

4. Quá trình thực hiện tự đánh giá

a) Lập kế hoạch tự đánh giá: *…(nêu tóm tắt về việc ban hành quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; xây dựng kế hoạch tự đánh giá).*

b) Tổ chức thực hiện: … *(nêu tóm tắt việc phân công nhiệm vụ, thực hiện thu thập minh chứng; tổ chức rà soát hoạt động giáo dục).*

c) Kiểm tra, phân tích: … *(nêu tóm tắt quá trình thực hiện việc phân tích minh chứng; đối chiếu yêu cầu tiêu chí; xác định mức đạt).*

d) Tổng hợp và xác nhận kết quả tự đánh giá: …

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: .....*(ghi tên của tiêu chuẩn)*

Tiêu chí 1.1: .....*(ghi tên của tiêu chí)*
Mức 1: ..... *(ghi nội dung quy định của mức)*
Mức 2: .....
Không đạt Mức 1:.....

Mô tả hiện trạng:

Mức	Hiện trạng, kết quả đạt được của tiêu chí đến thời điểm đánh giá *(kèm theo mã minh chứng)*	Đánh giá (Đạt/Không đạt)
Mức 1		
Mức 2		

Tự đánh giá: Tiêu chí đạt Mức ... /không đạt Mức 1.

(Ghi mức đạt cao nhất của tiêu chí).

Lưu ý:

1. Nội dung mô tả hiện trạng phải bám sát, thể hiện rõ mức đáp ứng từng yêu cầu của từng mức đánh giá; sử dụng số liệu cụ thể và viện dẫn mã minh chứng tương ứng.

[1] Việc tự đánh giá hằng năm được thực hiện trên cơ sở kế thừa và cập nhật kết quả tự đánh giá, hồ sơ, minh chứng, thông tin và dữ liệu của các năm trước.

2. Việc đánh giá tiêu chí đạt, được thực hiện tuần tự từ Mức 1 đến Mức 2; chỉ xem xét mức tiếp theo đạt khi mức trước đó được xác định đạt.

Tiêu chí 1.2: .....

(Đánh giá lần lượt cho đến hết các tiêu chí của Tiêu chuẩn 1 theo cấu trúc trên)

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1:

1. Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn 1: …

2. Điểm hạn chế trọng tâm của Tiêu chuẩn 1 và nguyên nhân cốt lõi: …

3. Định hướng cải tiến chất lượng:

a) Phân tích chung về xu hướng chất lượng của Tiêu chuẩn 1 trong 03 năm học liên tiếp trước thời điểm tự đánh giá (về nội dung đã cải thiện, nội dung chưa cải thiện và nội dung biến động, …): …

b) Các vấn đề trọng tâm cần ưu tiên cải tiến ở Tiêu chuẩn 1: …

(Cơ sở giáo dục xác định các định hướng cải tiến chủ yếu đối với tiêu chuẩn này trên cơ sở kết quả tự đánh giá, bao gồm: những nội dung cần ưu tiên cải tiến; hướng nâng cao chất lượng hoạt động; các điều kiện cần được tăng cường trong giai đoạn tiếp theo. Các nội dung định hướng cải tiến phải phù hợp với kết quả tự đánh giá và là căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để thực hiện trong năm học tiếp theo).

4. Tổng hợp kết quả đánh giá các tiêu chí của Tiêu chuẩn 1:

Tiêu chí	Kết quả đánh giá tiêu chí		
	Không đạt	Đạt	
		Mức 1	Mức 2
Tiêu chí 1.1			
Tiêu chí 1.2			
…			

(Các tiêu chuẩn tiếp theo được đánh giá theo cấu trúc trên)

Phần III. KẾT LUẬN

1. Khái quát về mức độ đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục

… (Xác định mức đáp ứng chung so với yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục hiện hành; nêu nhận định khái quát về mức độ ổn định và tính bền vững của hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ).

2. Tổng hợp kết quả tự đánh giá[2]

a) Bảng tổng hợp kết quả đánh giá tiêu chí

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả đánh giá tiêu chí		
	Không đạt Mức 1	Đạt	
		Mức 1	Mức 2

[2] Đánh dấu (×) vào ô kết quả Đạt hoặc Không đạt (từ mức đạt thấp nhất đến mức đạt cao nhất của tiêu chí)

Tiêu chuẩn 1			
Tiêu chí 1.1			
….			
Tiêu chuẩn 2			
Tiêu chí 2.1			
…			
Tiêu chuẩn 3			
Tiêu chí 3.1			
…			
Tiêu chuẩn 4			
Tiêu chí 4.1			
…			
Cộng chung			

b) Bảng tổng hợp chung

Tiêu chuẩn	**Tổng số tiêu chí**	**Tổng hợp kết quả đánh giá tiêu chí trong tiêu chuẩn**					
		Không đạt		Mức 1		Mức 2	
		SL	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*
Tiêu chuẩn 1							
Tiêu chuẩn 2							
Tiêu chuẩn 3							
Tiêu chuẩn 4							
Cộng chung							

3. Mức đạt của cơ sở giáo dục

Cơ sở giáo dục đạt Mức...../Không đạt Mức 1.

4. Đề xuất, kiến nghị

a) Với Sở Giáo dục và Đào tạo:

…

b) Với Ủy ban nhân dân…:

…

c) Với tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có):

…

Hiệu trưởng (Giám đốc) cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin, số liệu và minh chứng trong báo cáo tự đánh giá./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

Phần IV. PHỤ LỤC

(Kèm theo báo cáo tự đánh giá)

Phụ lục kèm theo báo cáo tự đánh giá gồm có:

1. Cơ sở dữ liệu (theo biểu mẫu đính kèm)

2. Các tư liệu, tài liệu liên quan: Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Thư ký, ….; kế hoạch TĐG; các bảng biểu tổng hợp, thống kê, ...

3. Danh mục minh chứng.

4. Văn bản, tài liệu khác có liên quan.

Phần I

THÔNG TIN DỮ LIỆU

(Đối với trường mầm non)

Tên trường (theo quyết định mới nhất): .....

Tên trước đây (nếu có): .....

Cơ quan quản lý:.....

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương		Họ và tên hiệu trưởng	
Xã / phường/thị trấn		Điện thoại	
Đạt chuẩn quốc gia năm, mức độ		Website	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)		Số điểm trường	
Công lập		Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

Cơ sở dữ liệu là nguồn thông tin phục vụ phân tích, đối chiếu minh chứng và xác định mức đạt của các tiêu chí chất lượng giáo dục.

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi			
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi			
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi			
Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi			
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi			
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi			
Cộng			

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Ghi chú
I	**Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**				
1	Phòng kiên cố				
2	Phòng bán kiên cố				
3	Phòng tạm				
II	Khối phòng phục vụ học tập				
1	Phòng kiên cố				
2	Phòng bán kiên cố				
3	Phòng tạm				

III	**Khối phòng hành chính quản trị**				
1	Phòng kiên cố				
2	Phòng bán kiên cố				
3	Phòng tạm				
IV	**Khối phòng tổ chức ăn**				
1					
2					
...					
V	**Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)**				
...					
	Cộng				

3. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	**Nữ**	**Dân tộc**	**Trình độ đào tạo**			**Ghi chú**
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng							
Phó hiệu trưởng							
Giáo viên							
nhân sự hỗ trợ giáo dục							
...							
Cộng							

b) Số liệu của 3 năm học gần nhất tính đến thời điểm tự đánh giá

TT	**Số liệu**	**Năm học 20...-20...**	**Năm học 20...-20...**	**Năm học 20...-20...**
1	Tổng số giáo viên			
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên(đối với nhóm trẻ)			
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)*			
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)*			
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi các cấp (nếu có)			
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)			
...	Các số liệu khác (nếu có)			

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em				
	- Nữ				
	- Dân tộc thiểu số				
2	Đối tượng chính sách				
3	Khuyết tật				
4	Tuyển mới				
5	Học 2 buổi/ngày				
6	Bán trú				
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp				
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm				
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi				
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi				
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi				
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi				
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi				
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi				
...	Các số liệu khác (nếu có)				

5. Các số liệu khác (nếu có)

.....

.....

Phần I

THÔNG TIN DỮ LIỆU

(Đối với trường phổ thông)

Tên trường (theo quyết định mới nhất): .....
Tên trước đây (nếu có): .....
Cơ quan quản lý: .....

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	
Xã / phường/thị trấn	
Đạt chuẩn quốc gia năm, mức độ	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	
Công lập	
Tư thục	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	
Điện thoại	
Website	
Số điểm trường	
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

Cơ sở dữ liệu là nguồn thông tin phục vụ phân tích, đối chiếu minh chứng và xác định mức đạt của các tiêu chí chất lượng giáo dục.

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...
Khối lớp ...			
Khối lớp ...			
Khối lớp ...			
Khối lớp ...			
Khối lớp ...			
Cộng			

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập				
1	Phòng học				
a	Phòng kiên cố				
b	Phòng bán kiên cố				
c	Phòng tạm				
2	Phòng học bộ môn				
a	Phòng kiên cố				
b	Phòng bán kiên cố				

c	Phòng tạm				
3	Khối phục vụ học tập				
a	Phòng kiên cố				
b	Phòng bán kiên cố				
c	Phòng tạm				
II	Khối phòng hành chính - quản trị				
1	Phòng kiên cố				
2	Phòng bán kiên cố				
3	Phòng tạm				
III	Thư viện				
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)				
...					
	Cộng				

3. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	**Nữ**	**Dân tộc**	**Trình độ đào tạo**			**Ghi chú**
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng							
Phó hiệu trưởng							
Giáo viên							
nhân sự hỗ trợ giáo dục							
...							
Cộng							

b) Số liệu của 3 năm học gần nhất tính đến thời điểm tự đánh giá

TT	**Số liệu**	**Năm học 20...-20...**	**Năm học 20...-20...**	**Năm học 20...-20...**
1	Tổng số giáo viên			
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp			
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh			
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi các cấp (nếu có)			
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)			
...	Các số liệu khác (nếu có)			

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T	**Số liệu**	**Năm học**	**Năm học**	**Năm học**	**Ghi**

T		20...-20...	20...-20...	20...-20...	chú
1	Tổng số học sinh				
	- Nữ				
	- Dân tộc thiểu số				
	- Khối lớp...				
	- Khối lớp...				
	- Khối lớp...				
	...				
2	Tổng số tuyển mới				
3	Học 2 buổi/ngày				
4	Bán trú				
5	Nội trú				
6	Bình quân số học sinh/lớp học				
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi				
	- Nữ				
	- Dân tộc thiểu số				
8	Tổng số học sinh giỏi các cấp (nếu có)				
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)				
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách				
	- Nữ				
	- Dân tộc thiểu số				
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt				
...	Các số liệu khác (nếu có)				

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

Số liệu	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1				
Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học				
Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học				
Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học				
Các số liệu khác (nếu có)				

c) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Ghi chú
Tỉ lệ học sinh có kết quả học tập xếp loại Tốt				
Tỉ lệ học sinh có kết quả học tập xếp loại Khá				
Tỉ lệ học sinh có kết quả học tập xếp loại Chưa đạt				
Tỉ lệ học sinh có kết quả rèn luyện xếp				

Tốt				
Tỉ lệ học sinh có kết quả rèn luyện xếp Khá				
Tỉ lệ học sinh có kết quả rèn luyện xếp loại Đạt				
Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học				Đối với nhà trường có lớp tiểu học
Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học				
Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học				
Tỉ lệ học sinh chuyển cấp (hoặc thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng)				

5. Các số liệu khác (nếu có)

.....

.....

Phần I

THÔNG TIN, DỮ LIỆU

(Áp dụng đối với trung tâm giáo dục thường xuyên và trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên)

Tên trung tâm (theo quyết định mới nhất): .....

Tên trước đây (nếu có): .....

Cơ quan quản lý: .....

Tỉnh/thành phố:...		Họ và tên giám đốc:...	
Xã/phường:…		Điện thoại:…	
Năm thành lập:…		Địa chỉ trụ sở chính:…	
Loại hình:...		Các địa điểm tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo khác (nếu có):…	
Thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định:..		Có người học khuyết tật: Có:... Không:...	
Có hoạt động hợp tác quốc tế hoặc liên kết đào tạo theo quy định: Có:… Không:…		Đặc điểm khác (nếu có)	

Thông tin, dữ liệu tại Phần này là nguồn phục vụ phân tích, đối chiếu minh chứng và xác định mức thực hiện các tiêu chí chất lượng giáo dục.

1. Số lớp

Số lớp/nhóm học viên theo chương trình[3]	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...	Năm học 20...-20...
Chương trình xóa mù chữ:…			
Chương trình GD để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân:…			
Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học:…			
Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng trình độ chuyên môn, lực nghề nghiệp:…			
Chương trình khác theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật:			

[3] Chỉ liệt kê những chương trình có tổ chức thực tế.

...			
Cộng			

2. Phòng học và không gian phục vụ hoạt động giáo dục, đào tạo

	Năm học 20...-20...	**Năm học 20...-20...**	**Năm học 20...-20...**
Tổng số phòng học:...			
Số phòng học đang sử dụng:...			
Phòng thí nghiệm (nếu có):...			
Thư viện:...			
Phòng chức năng:....			
Phòng thực hành:....			
Phòng, không gian được dùng chung, thuê hoặc sử dụng theo thỏa thuận hợp pháp:....			

3. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	**Nữ**	**Người dân tộc thiểu số**	**Trình độ đào tạo**		**Ghi chú**
				Đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo theo vị trí việc làm	*Chưa đáp ứng yêu cầu về trình độ đào tạo theo vị trí việc làm*	
Giám đốc						
Phó giám đốc						
Giáo viên cơ hữu						
Giáo viên hợp đồng làm việc thường xuyên						
Giáo viên thỉnh giảng						
Nhân sự hỗ trợ giáo dục						
Cộng						

b) Số liệu của 3 năm học gần nhất tính đến thời điểm tự đánh giá:

	Năm học 20...-20...	**Năm học 20...-20...**	**Năm học 20...-20...**
Tổng số giáo viên cơ hữu:			
Tổng số giáo viên hợp đồng làm việc thường xuyên:			
Tổng số giáo viên thỉnh giảng:			

Tỷ lệ giáo viên/lớp (đối với chương trình tổ chức theo lớp):			
Tỷ lệ giáo viên trực tiếp giảng dạy/ người học			
Tổng số giáo viên đạt danh hiệu, thành tích chuyên môn cấp cơ sở			
Tổng số giáo viên đạt danh hiệu, thành tích chuyên môn cấp tỉnh trở lên			

4. Học viên theo từng chương trình giáo dục

	Năm học 20...-20...	**Năm học 20...-20...**	**Năm học 20...-20...**
Tổng số			
Chương trình xóa mù chữ:…			
Chương trình GD để cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân:…			
Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học:…			
Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng trình độ chuyên môn, lực nghề nghiệp:…			
Chương trình khác theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật: …			
Nữ			
Người dân tộc thiểu số			
Đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định			
Người học khuyết tật			
Tuyển mới			
Người học lưu ban			
Ngừng học trước khi hoàn thành chương trình (Bỏ học)			
Tỷ lệ bình quân người học/lớp đối với chương trình tổ chức theo lớp			
Tổng số người học hoàn thành chương trình: Số người học được công nhận tốt nghiệp:			
- Nữ			
- Người dân tộc thiểu số			
Tỷ lệ người học tiếp tục học tập hoặc tham gia đào tạo sau khi hoàn thành chương trình (nếu có dữ liệu)			

Mẫu số 2. Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục hằng năm của cơ sở giáo dục

… (TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ) **…. (TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: …./KH-…	*..., ngày ... tháng ... năm 202...*

KẾ HOẠCH

Cải tiến chất lượng giáo dục năm học 20… - 20…

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: …

2. Loại hình: …

3. Địa chỉ: …

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Báo cáo tự đánh giá năm học …
2. Kết quả rà soát việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng năm học trước.
3. Kế hoạch năm học và định hướng phát triển của cơ sở giáo dục.
4. Các văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

III. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định các vấn đề trọng tâm cần cải tiến trên cơ sở kết quả tự đánh giá;

b) Tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục;

c) Tăng cường hiệu quả quản trị, sử dụng nguồn lực và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tính trọng tâm, khả thi, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế;

b) Không xây dựng kế hoạch cải tiến đối với toàn bộ tiêu chí mà tập trung vào các vấn đề ưu tiên;

c) Xác định rõ: nội dung, mục tiêu, biện pháp, thời gian, nguồn lực, trách nhiệm và kết quả;

d) Gắn với kế hoạch năm học và kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục;

đ) Có cơ chế theo dõi, đánh giá và điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

IV. TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM CẦN CẢI TIẾN

TT	Tiêu chuẩn	Tiêu chí liên quan (nếu có)	Đánh giá hiện trạng	Điểm hạn chế	Nguyên nhân của hạn chế
1					
2					
…					

Lưu ý: Chỉ lựa chọn các vấn đề trọng tâm, có tác động trực tiếp đến chất lượng giáo dục để đưa vào kế hoạch cải tiến.

V. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

TT *(1)*	**Nội dung cải tiến** *(2)*	**Mục tiêu cải tiến** *(3)*	**Hoạt động/giải pháp** *(4)*	**Chỉ số đánh giá kết quả** *(5)*	**Thời gian thực hiện** *(6)*	**Đơn vị/cá nhân phụ trách** *(7)*	**Nguồn lực bảo đảm** *(8)*	**Thông tin, dữ liệu hoặc minh chứng dự kiến** *(9)*	**Mức độ thực hiện (cập nhật trong quá trình triển khai** *(10)*
1									
2									
…									

(Hướng dẫn xây dựng kế hoạch: cột (1) TT: ghi số thứ tự; cột (2) Nội dung cải tiến: Mô tả ngắn gọn vấn đề cần cải tiến (xuất phát từ điểm hạn chế); cột (3) Mục tiêu cải tiến: Xác định kết quả cần đạt (có thể định tính hoặc định lượng); cột (4) Hoạt động/giải pháp: Các việc cụ

thể cần thực hiện; cột (5) Chỉ số đánh giá kết quả: Kết quả đo được, có thể kiểm chứng (ví dụ: tỷ lệ %, số lượng...); Cột (6) Thời gian thực hiện: Theo tháng, học kỳ hoặc năm học; cột (7) Đơn vị/cá nhân phụ trách: Xác định rõ trách nhiệm của cá nhân (VD: Hiệu trưởng/Phó Hiệu trưởng/Tổ trưởng.../Tổ ...); cột (8) Nguồn lực bảo đảm: Kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất...; cột (9) Thông tin, dữ liệu hoặc minh chứng dự kiến: Tài liệu, dữ liệu chứng minh kết quả; cột (10) Mức độ thực hiện: Hoàn thành/Đang thực hiện/Chưa hoàn thành).

VI. THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN (GIÁM SÁT NỘI BỘ)

Thời điểm	Nội dung theo dõi	Kết quả thực hiện	Điều chỉnh (nếu có)	Người đánh giá
Cuối học kỳ I				
Cuối năm học				

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Người đứng đầu cơ sở giáo dục

...

2. Hội đồng tự đánh giá

...

3. Các tổ chuyên môn và bộ phận liên quan

...

VIII. CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ VÀ BÁO CÁO

a) Thực hiện rà soát, đánh giá tối thiểu 02 lần trong năm học;

b) Kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến là cơ sở để cập nhật báo cáo tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến của năm học tiếp theo;

c) Bảo đảm công khai, minh bạch và phục vụ trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục./.

Nơi nhận:
....

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 3. Phiếu ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 202...

PHIẾU Ý KIẾN
Của thành viên Hội đồng thẩm định

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: ...

2. Chức vụ: …

3. Đơn vị công tác: ... Điện thoại:… Email:…

4. Nhiệm vụ trong Hội đồng thẩm định:

☐ Chủ tịch ☐ Phó Chủ tịch ☐ Thư ký ☐ Ủy viên

5. Tên cơ sở giáo dục được thẩm định: ...

II. Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về báo cáo tự đánh giá

☐ Báo cáo phản ánh cơ bản đầy đủ thực trạng của cơ sở giáo dục

☐ Báo cáo còn một số nội dung cần làm rõ hoặc bổ sung thông tin

Nhận xét (nếu có): …

2. Về dữ liệu, thông tin và kết quả cải tiến chất lượng

☐ Có đủ căn cứ để xem xét

☐ Cần xác minh hoặc làm rõ thêm một số nội dung.

3. Nội dung cần xác minh hoặc làm rõ thêm (nếu lựa chọn ý này ở trên)

…

III. Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

1. Về mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá của Trường:

☐ Không đạt Mức 1

☐ Đạt Mức 1

☐ Đạt Mức 2

b) Kết quả thẩm định của thành viên Hội đồng:

☐ Không đạt Mức 1

☐ Đạt Mức 1

☐ Đạt Mức 2

c) Căn cứ chính để xác định mức và đề xuất công nhận; nguyên nhân, lý do của việc thay đổi kết quả thẩm định so với kết quả tự đánh giá (nếu có sự thay đổi): …

2. Về điều kiện công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

Căn cứ báo cáo tự đánh giá, dữ liệu liên quan, thành viên Hội đồng thẩm định nhận thấy:

☐ Chưa đáp ứng yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

☐ Đáp ứng yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1

☐ Đáp ứng yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2

Nguyên nhân, lý do về điều kiện công nhận trường đạt chuẩn quốc gia chưa đáp ứng yêu cầu (nếu lựa chọn nội dung đánh giá này): …

IV. NHẬN XÉT VÀ KHUYẾN NGHỊ VỚI TRƯỜNG

1. Điểm mạnh cơ bản của Trường

a) Tiêu chuẩn 1: …

b) Tiêu chuẩn 2: …

c) Tiêu chuẩn 3: …

d) Tiêu chuẩn 4: …

2. Điểm hạn chế cơ bản của Trường và nguyên nhân chính

a) Tiêu chuẩn 1: …

b) Tiêu chuẩn 2: …

c) Tiêu chuẩn 3: …

d) Tiêu chuẩn 4: …

3. Khuyến nghị về nội dung Trường cần ưu tiên thực hiện cải tiến trong năm học tới

...

4. Ý kiến khác (nếu có): …

..., ngày ..... tháng ..... năm .....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 4. Thông báo kết quả thẩm định

UBND TỈNH/TP **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-…	*..., ngày tháng năm 202...*

THÔNG BÁO

Kết quả thẩm định việc đáp ứng yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

Căn cứ Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông;

Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng thẩm định được thành lập theo Quyết định số …/QĐ-… ngày … tháng … năm 20… của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về…;

Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày …;

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả thẩm định đối với Trường … như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Trường:...

2. Địa chỉ:...

3. Cấp học:....

4. Loại hình:

☐ Công lập ☐ Tư thục

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Về mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục

a) Kết quả tự đánh giá của Trường:

☐ Không đạt Mức 1

☐ Đạt Mức 1

☐ Đạt Mức 2

b) Kết quả thẩm định của Hội đồng:

☐ Không đạt Mức 1

☐ Đạt Mức 1

☐ Đạt Mức 2

c) Nguyên nhân, lý do của việc thay đổi kết quả thẩm định so với kết quả tự đánh giá (nếu có sự thay đổi): …

2. Về điều kiện công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

Căn cứ báo cáo tự đánh giá, dữ liệu liên quan, kết quả thảo luận và biểu quyết, Hội đồng thống nhất:

☐ Chưa đáp ứng yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

☐ Đáp ứng yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1

☐ Đáp ứng yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2

Nguyên nhân, lý do về điều kiện công nhận trường đạt chuẩn quốc gia chưa đáp ứng yêu cầu (nếu lựa chọn nội dung đánh giá này): …

III. NHẬN XÉT VÀ KHUYẾN NGHỊ VỚI TRƯỜNG

1. Điểm mạnh cơ bản của Trường

a) Tiêu chuẩn 1: …

b) Tiêu chuẩn 2: …

c) Tiêu chuẩn 3: …

d) Tiêu chuẩn 4: …

2. Điểm hạn chế cơ bản của Trường và nguyên nhân chính

a) Tiêu chuẩn 1: …

b) Tiêu chuẩn 2: …

c) Tiêu chuẩn 3: …

d) Tiêu chuẩn 4: …

3. Khuyến nghị về nội dung Trường cần ưu tiên thực hiện cải tiến trong năm học tới

…

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kết quả thẩm định là căn cứ để xem xét ban hành quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định. Các phòng chuyên môn thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi và hỗ trợ Trường trong quá trình cải tiến chất lượng giáo dục.

Thông báo này không thay thế quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

2. Trường … căn cứ nội dung tại Thông báo này, thực hiện các việc:

a) Xây dựng và ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục trên cơ sở báo cáo tự đánh giá và các khuyến nghị của Hội đồng thẩm định.

b) Tổ chức triển khai các giải pháp cải tiến chất lượng theo chu trình cải tiến liên tục; phân công trách nhiệm cụ thể và bảo đảm nguồn lực thực hiện.

c) Thực hiện theo dõi, tự đánh giá định kỳ việc triển khai kế hoạch cải tiến; cập nhật minh chứng và dữ liệu chất lượng giáo dục.

d) Cập nhật kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục trong báo cáo tự đánh giá và cung cấp thông tin cho Sở Giáo dục và Đào tạo khi được yêu cầu./.

Nơi nhận:
- Trường … (để t/h);
- UBND tỉnh … (để b/c);
- UBND xã/phường … (để p/h);
- Trang thông tin điện tử của Sở GDĐT (để công khai);
- Lưu: VT, …

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 5. Biên bản họp Hội đồng thẩm định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
Việc đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

Căn cứ Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông;

Căn cứ Quyết định số …/QĐ-..., ngày … tháng … năm 20… của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo … về việc thành lập Hội đồng thẩm định để xem xét việc đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia;

Hội đồng thẩm định tiến hành họp, xem xét hồ sơ, dữ liệu, minh chứng, kết quả tự đánh giá, kết quả cải tiến chất lượng và các điều kiện có liên quan của Trường …, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CUỘC HỌP

1. Thời gian từ: … giờ … phút đến… giờ … phút, ngày … tháng … năm …

2. Địa điểm: ...

3. Thành viên Hội đồng thẩm định

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Nhiệm vụ trong Hội đồng	Tham dự/ Vắng mặt
1			Chủ tịch	
2			Phó Chủ tịch	
3			Thư ký	
4			Thành viên	
5				
6				
…			…	

Tổng số thành viên Hội đồng…..người; số thành viên tham dự: …… người; số thành viên vắng mặt: … người.

Cuộc họp có đủ điều kiện tiến hành theo quy định: ☐ Có ☐ Không

4. Đại biểu tham dự (nếu có)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
1			
2			
…			

5. Xác nhận về tính độc lập, khách quan

☐ Các thành viên Hội đồng xác nhận đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 6 Điều 17 của Thông tư và bảo đảm tính độc lập, khách quan trong quá trình thẩm định.

☐ Có thành viên báo cáo tình huống có thể ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan; nội dung và cách thức xử lý: …

II. THÔNG TIN VỀ TRƯỜNG ĐƯỢC THẨM ĐỊNH

1. Tên trường: …

2. Địa chỉ: …

3. Cấp học/các cấp học: …

4. Loại hình: ☐ Công lập ☐ Tư thục

5. Cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có): …

6. Người đứng đầu trường: …

7. Thời điểm tiếp nhận hồ sơ, dữ liệu phục vụ thẩm định: …

8. Mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục do trường tự xác định: ☐ Không đạt ☐ Mức 1 ☐ Mức 2

9. Mức độ công nhận trường đạt chuẩn quốc gia do trường đề xuất (nếu có): ☐ Không đề xuất ☐ Mức độ 1 ☐ Mức độ 2

III. HỒ SƠ, DỮ LIỆU VÀ PHẠM VI THẨM ĐỊNH

1. Hồ sơ, dữ liệu được Hội đồng sử dụng

☐ Báo cáo tự đánh giá đã được người đứng đầu trường phê duyệt;

☐ Dữ liệu tự đánh giá và kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng của ít nhất Số liệu của 3 năm học gần nhất tính đến thời điểm xem xét công nhận;

☐ Dữ liệu của ngành giáo dục, dữ liệu quản lý của địa phương và các thông tin liên quan phục vụ đối chiếu, xác minh;

☐ Thông tin công khai của trường;

☐ Phiếu ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định;

☐ Tài liệu, minh chứng do trường cung cấp bổ sung (nếu có);

☐ Kết quả xác minh thực tế tại trường (nếu có);

☐ Tài liệu khác: …

2. Tình trạng hồ sơ, dữ liệu

☐ Đầy đủ, có thể kiểm chứng và đủ căn cứ để Hội đồng kết luận.

☐ Còn nội dung cần bổ sung, làm rõ nhưng không ảnh hưởng đến kết luận chung.

☐ Chưa đủ căn cứ để kết luận; cần bổ sung, làm rõ hoặc xác minh thêm.

Nội dung cần bổ sung, làm rõ hoặc xác minh (nếu có): …

3. Xác minh thực tế tại trường

☐ Không thực hiện xác minh thực tế.

☐ Có thực hiện xác minh thực tế theo biên bản/tài liệu ngày …; nội dung chính: …

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH MỨC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Hội đồng đối chiếu yêu cầu của từng tiêu chí với hồ sơ, dữ liệu, minh chứng và kết quả thực hiện hoạt động giáo dục trong thực tiễn. Kết quả được ghi nhận như sau:

TT	Tiêu chí[4]	Kết quả TĐG	Kết quả Hội đồng xác định	Căn cứ chính	Nhận xét nội dung cần làm rõ hoặc khuyến nghị	Ghi chú
1	1.1. Tầm nhìn, sứ mạng/mục tiêu và kế hoạch phát triển	…	…	…	…	…
2	1.2. Cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ và phối hợp bên trong cơ sở giáo dục	…	…	…	…	…
3	1.3. Quản lý kế hoạch, nguồn lực, thông tin và dữ liệu	…	…	…	…	…
4	1.4. Tự đánh giá, cải tiến chất lượng, công khai và trách nhiệm giải trình	…	…	…	…	…
5	2.1. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	…	…	…	…	…
6	2.2. Giáo viên	…	…	…	…	…
7	2.3. Nhân sự hỗ trợ giáo dục	…	…	…	…	…
8	3.1. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục	…	…	…	…	…
9	3.2. Đổi mới phương pháp giáo dục/chăm sóc và theo dõi, đánh giá sự phát triển, tiến	…	…	…	…	…

[4] Tiêu chí bắt buộc: 1.3, 1.4, 2.1, 2.2, 3.1, 3.2, 4.1, 4.2.

	bộ của người học					
10	3.3. Tổ chức hoạt động giáo dục và phát triển toàn diện	…	…	…	…	…
11	3.4. Quản lý, theo dõi, hỗ trợ người học và giáo dục hòa nhập	…	…	…	…	…
12	3.5. Kết quả học tập, phát triển, rèn luyện và sự tiến bộ của người học	…	…	…	…	…
13	4.1. Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động giáo dục	…	…	…	…	…
14	4.2. Môi trường giáo dục an toàn, sức khỏe và hạnh phúc	…	…	…	…	…
15	4.3. Phối hợp gia đình, cộng đồng và tổ chức liên quan	…	…	…	…	…

Ghi chú: Kết quả ghi "Không đạt", "Mức 1" hoặc "Mức 2". Các tiêu chí bắt buộc cần được thể hiện rõ trong phần căn cứ và kết luận.

1. Tổng hợp kết quả các tiêu chí

Nội dung	Không đạt Mức 1	Đạt Mức 1	Đạt Mức 2
Số tiêu chí bắt buộc	…	…	…
Số tiêu chí còn lại	…	…	…
Tổng số tiêu chí	…	…	…

Đạt mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục tương ứng

2. Kết luận về mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục

☐ Không đạt Mức 1.

☐ Đạt Mức 1.

☐ Đạt Mức 2.

Căn cứ xác định: …

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CÁC YÊU CẦU CÔNG NHẬN TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

TT	Yêu cầu xem xét	Kết quả	Căn cứ xác định	Ghi chú
1	Có ít nhất một khóa trẻ em hoặc học sinh hoàn thành chương trình theo quy định;	☐ Đạt ☐ Chưa đạt	…	…

2	Có dữ liệu tự đánh giá, kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng và dữ liệu phục vụ theo dõi, cải tiến chất lượng của ít nhất 03 năm học gần nhất tới thời điểm đánh giá;	☐ Đạt ☐ Chưa đạt	…	…
3	Kết quả được xác định theo kết luận tại Mục IV của Biên bản này;	☐ Đạt ☐ Chưa đạt	…	…
4	Đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, an toàn trường học và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật đối với mức độ công nhận tương ứng;	☐ Đạt ☐ Chưa đạt	…	…
5	Yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến mức độ công nhận tương ứng (nếu có):…	☐ Đạt ☐ Chưa đạt	…	…

Kết luận chung về điều kiện công nhận:

☐ Trường đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để được xem xét công nhận đạt chuẩn quốc gia.

☐ Trường chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để được xem xét công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Nội dung chưa đáp ứng hoặc cần tiếp tục hoàn thiện (nếu có): …

VI. NỘI DUNG THẢO LUẬN, Ý KIẾN KHÁC VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Các nội dung Hội đồng đã thảo luận, làm rõ

a) Nội dung còn có ý kiến khác nhau: …

b) Căn cứ, dữ liệu được sử dụng để xử lý nội dung còn có ý kiến khác nhau: …

c) Kết quả thống nhất: …

2. Ý kiến bảo lưu của thành viên Hội đồng (nếu có)

Họ và tên thành viên: …; nội dung ý kiến bảo lưu và căn cứ: …

3. Khuyến nghị cải tiến chất lượng

TT	Nội dung ưu tiên cải tiến	Căn cứ xác định	Kết quả cần đạt	Thời gian dự kiến
…	…	…	…	…
…	…	…	…	…
…	…	…	…	…
…	…	…	…	…

VII. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Số thành viên có quyền biểu quyết: … người; số thành viên tham gia biểu quyết: … người.

1. Về mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục

Phương án	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Không đạt Mức 1	…	…	…
Đạt Mức 1	…	…	…
Đạt Mức 2	…	…	…

2. Về đề xuất công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

Phương án	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Không đề nghị công	…	…	…

nhận			
Đề nghị công nhận Mức độ 1	…	…	…
Đề nghị công nhận Mức độ 2	…	…	…

3. Kết quả biểu quyết chung[5]

a) Mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục: …

b) Đề xuất về công nhận trường đạt chuẩn quốc gia: …

c) Số phiếu tán thành đối với mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục được Hội đồng thống nhất: …/… phiếu, đạt tỷ lệ …%;

d) Số phiếu tán thành đối với đề xuất công nhận trường đạt chuẩn quốc gia được Hội đồng thống nhất: …/… phiếu, đạt tỷ lệ …%.

VIII. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Căn cứ hồ sơ, dữ liệu, minh chứng, kết quả thẩm định từng tiêu chí, kết quả xem xét việc đáp ứng các yêu cầu công nhận, nội dung thảo luận và kết quả biểu quyết, Hội đồng thẩm định thống nhất:

1. Về mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục

☐ Không đạt Mức 1.

☐ Đạt Mức 1.

☐ Đạt Mức 2.

2. Việc đáp ứng các yêu cầu công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

☐ Đáp ứng đầy đủ.

☐ Chưa đáp ứng đầy đủ.

3. Đề xuất

☐ Đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận Trường … đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

☐ Đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận Trường … đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

☐ Không đề nghị công nhận trường đạt chuẩn quốc gia tại thời điểm thẩm định.

4. Nội dung cần thực hiện sau thẩm định

a) Đối với trường: …

b) Đối với đơn vị tham mưu thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: …

c) Thời hạn hoàn thiện, bổ sung hoặc báo cáo kết quả thực hiện (nếu có): …

Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan của kết quả thẩm định và ý kiến đề xuất trong phạm vi nhiệm vụ được giao. Kết luận và đề xuất của Hội đồng là căn cứ để Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định theo thẩm quyền; không thay thế quyết định công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

Biên bản được Thư ký Hội đồng ghi chép đầy đủ, trung thực; đã được Hội đồng thẩm định thông qua vào … giờ … phút, ngày … tháng … năm …

Biên bản được lập thành … bản có giá trị như nhau, lưu tại Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan theo quy định./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG	**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

[5] Tỷ lệ được tính trên tổng số thành viên tham gia biểu quyết

Mẫu số 6. Mẫu bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

29,7cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG CÔNG NHẬN
TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH (THÀNH PHỐ) …

CÔNG NHẬN

Trường: …
Địa chỉ: …
Đạt chuẩn quốc gia Mức độ …
Bằng công nhận này có giá trị 05 năm, kể từ ngày ký Quyết định công nhận.

..., ngày ... tháng ... năm ...
GIÁM ĐỐC

Quyết định số: … ngày … tháng … năm …
Vào sổ đăng ký: …

42 cm

Mẫu số 7. Báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ...	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...	*....., ngày tháng năm 202...*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia, năm học 202... - 202...

Thực hiện Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo ... báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo đảm chất lượng giáo dục (BĐCLGD) và công nhận đạt chuẩn quốc gia (CQG) đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên năm học 202...-202... như sau:

1. Kết quả thực hiện (về công tác BĐCLGD, đạt CQG, tập huấn cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên; các văn bản chỉ đạo của địa phương về công tác BĐCLGD và công nhận đạt CQG, chỉ tiêu về công tác BĐCLGD và công nhận đạt CQG): theo phụ lục gửi kèm Báo cáo này.

2. Đánh giá chung

a) Thuận lợi:

b) Khó khăn:

c) Hạn chế và nguyên nhân:

d) Giải pháp khắc phục hạn chế:

3. Kiến nghị, đề xuất

a) Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo: ...

b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: ...

c) Các ý kiến kiến nghị, đề xuất khác (nếu có): ..../.

Nơi nhận:	**GIÁM ĐỐC**
- Bộ GDĐT (để b/c);	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- ... (để b/c);	
- ....(để p/h);	
- ...	
- Lưu: VT, ...	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ …
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO …

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia
(Kèm theo Báo cáo số …../BC-SGDĐT-… ngày tháng năm 202… của Sở Giáo dục và Đào tạo)

1. Kết quả thực hiện công tác bảo đảm chất lượng giáo dục (đến 31/5/20…)

TT	Cơ sở giáo dục	Tổng số trường/trung tâm hiện có	Đã hoàn thành tự đánh giá[1]		Kết quả tự đánh giá[2]		
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Không đạt M	Mức 1	Mức 2
1	Trường mầm non						
2	Trường tiểu học						
3	Trường trung học cơ sở						
4	Trường trung học phổ thông						
5	Trường phổ thông có nhiều cấp học						
6	Trung tâm giáo dục thường xuyên						
7	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên						
	Cộng						

[1] Số liệu theo từng năm học, tính đến thời điểm ngày 31/5/202…
[2] Số liệu theo từng năm học, tính đến thời điểm ngày 31/5/202…

2. Kết quả thực hiện công tác công nhận đạt chuẩn quốc gia (tính đến ngày 31/5/20…)[3]

TT	Cơ sở giáo dục	Tổng số trường hiện có	Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia						Ghi chú
			Mức độ 1		Mức độ 2		Cộng chung		
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Trường mầm non								
2	Trường tiểu học								
3	Trường trung học cơ sở								
4	Trường trung học phổ thông								
5	Trường phổ thông có nhiều cấp học								
Tổng									

3. Cán bộ (CB), giáo viên (GV) đã được tập huấn về công tác BĐCLGD trong năm học (tính đến 31/5/20…)

TT	Cơ sở giáo dục	Số lượng CB, GV đã được tập huấn	Ghi chú
1	Trường mầm non		
2	Trường tiểu học		
3	Trường trung học cơ sở		
4	Trường trung học phổ thông		
5	Trường phổ thông có nhiều cấp học		
6	Trung tâm giáo dục thường xuyên		
7	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên		
	Cộng		

[3] Số liệu được tính đối với các Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia còn thời hạn tính đến ngày 31/5/202… (cộng lũy kế trong chu kỳ 05 năm, tính đến thời điểm báo cáo)

4. Danh mục các văn bản chỉ đạo của UBND cấp tỉnh và Sở GDĐT về công tác BĐCLGD và công nhận đạt CQG

(năm học 20… - 20…)

TT	Số/Ký hiệu	Trích yếu	Cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Ghi chú
1	*Ví dụ 1:* 01/CT-UBND	V/v thực hiện công tác bảo đảm chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh X	15/10/2026	
2	*Ví dụ 2:* 1388/SGDĐT-QLCL	Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng, năm học 2026 - 2027	Sở GDĐT tỉnh X	20/10/2026	
…..					

5. Một số chỉ tiêu của kế hoạch công tác BĐCLGD và công nhận đạt CQG (năm học 202… - 202…)

Cơ sở giáo dục	Số lượng CSGD/TT hoàn thành TĐG	Số lượng trường đạt CQG (tính đến 31/5/202…)	Tổng số cán bộ, giáo viên cần được tập huấn	Ghi chú
Mầm non				
Tiểu học				
Trung học cơ sở				
Trung học phổ thông				
Trường phổ thông có nhiều cấp học				
Trung tâm giáo dục thường xuyên				
Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên				
Cộng				